

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG  
**SỞ NỘI VỤ**

Số: **85** /TTr-SNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Nông, ngày **29** tháng 01 năm 2021

### TỜ TRÌNH

#### Về việc báo cáo công tác của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021 phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Nội vụ nhận được Công văn số 219/UBND-KTTH ngày 13/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rút kinh nghiệm kỳ họp thứ 11 của HĐND tỉnh; đăng ký nội dung trình các kỳ họp HĐND tỉnh năm 2021. Trong đó giao Sở Nội vụ chủ trì, tham mưu Báo cáo công tác của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021.

Sau khi nghiên cứu, Sở Nội vụ tham mưu dự thảo Báo cáo công tác của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021 và phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026.

Sở Nội vụ kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định././

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng HCVTLT, TCCCVC;
- Lưu: VT, XDCQ (Tú).



**Nguyễn Thị Thu Hương**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**Phụ lục 1**

**SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG, THÀNH VIÊN  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NHIỆM KỲ 2016-2021**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số ...../BC-UBND ngày tháng năm 2021)

TT	Chức danh	Số lượng						Tuổi			Trình độ chuyên môn				Trình độ lý luận chính trị			
		Tổng số	Nữ	Tăng so với NB 08/2016/NĐ-	Kiểm bí thư	Kiểm Phó bí thư	Tái cử	Dưới 35	Từ 35-50	Trên 50	Sơ cấp, chưa qua đào tạo	Trung cấp, Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	Sơ Cấp	Trung cấp	Cao Cấp	Cử nhân
Cấp tỉnh	Chủ tịch	01				01		01						01			01	
	Phó Chủ tịch	03	01					01	02					03			03	
	Ủy viên	19	02					09	11			08	11				19	

Số: /BC-UBND

Đắk Nông, ngày tháng năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Công tác của UBND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021  
phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021-2026**

### **Phần I**

## **TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ CÔNG TÁC CỦA UBND TỈNH NHIỆM KỲ 2016-2021**

### **I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

#### **1. Thuận lợi**

Tỉnh Đắk Nông được thành lập từ đầu năm 2004, trên cơ sở chia tách từ 06 huyện phía Nam của tỉnh Đắk Lắk. Hiện toàn tỉnh có 650.926,95 ha diện tích đất tự nhiên, dân số có 637.907 người; có 08 huyện, thành phố; 71 xã, phường, thị trấn; 713 thôn, buôn, bon; gồm có 39 dân tộc anh em cùng sinh sống. Trên địa bàn tỉnh có 141 km đường biên giới tiếp giáp với Vương quốc Campuchia, trải dài trên 7 xã của 4 huyện Cư Jút, Đắk Mil, Đắk Song và Tuy Đức. Toàn tỉnh có trên 269.224 người theo đạo, chiếm 42,2% dân số, các tín đồ sinh hoạt chủ yếu theo 3 tôn giáo: Phật giáo, Tin lành và Thiên chúa giáo.

Nhiệm kỳ 2016-2021 (tính đến tháng 01/2021) đã diễn ra nhiều sự kiện, tác động đến tư tưởng, đời sống của nhân dân. Song dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, hệ thống chính trị tỉnh đã tăng cường các hoạt động hướng về cơ sở, động viên nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, an tâm lao động sản xuất, cải thiện đời sống, tích cực tham gia các hoạt động chào mừng kỷ niệm các ngày lễ. Được sự quan tâm của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh Đắk Nông đã có nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, phát huy nội lực, tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn. Kết quả đã đạt được những thành tích đáng kể, tốc độ tăng trưởng kinh tế nội tỉnh (GRDP) duy trì ổn định và bền vững, quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng và huy động được tiềm năng vào tăng trưởng đưa Đắk Nông thoát khỏi tình trạng tỉnh nghèo, chưa phát triển: Tốc độ tăng trưởng kinh tế GRDP bình quân (theo Nghị quyết 5 năm) ước đạt 7,7%/KH trên 9%, (theo hệ số trung gian mới của Tổng cục Thống kê, ước đạt 6,02%), quy mô nền kinh tế tăng 1,34 lần; quá trình phát triển có những

nét đặc sắc: Tăng trưởng bình quân khu vực nông nghiệp cao hơn bình quân chung của cả nước; bước đầu huy động được tiềm năng khoáng sản bôxít vào tăng trưởng, quy mô khu vực công nghiệp tăng 1,78 lần, đóng vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế. GRDP bình quân đầu người tăng từ 38,65 triệu đồng đầu giai đoạn lên 49,65 triệu đồng, thoát khỏi nhóm tỉnh có thu nhập bình quân đầu người thấp. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại tỉnh Đắk Nông được giữ vững.

## **2. Khó khăn**

Bên cạnh những thuận lợi, cũng gặp phải không ít những khó khăn, thách thức: đó là hội nhập kinh tế quốc tế đặt ra những thách thức lớn; tình hình Biển Đông căng thẳng; thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch Covid-19 và dịch bạch hầu diễn biến phức tạp; Trung ương ban hành nhiều chủ trương, cơ chế, chính sách mới thay đổi tư duy kinh tế đối với một số lĩnh vực quan trọng; nguồn vốn đầu tư trung hạn từ trung ương phân bổ thấp hơn so với dự kiến; giá các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh giảm sâu kéo dài; các dự án trọng điểm đều chậm tiến độ, ảnh hưởng đến kịch bản tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; các khó khăn nội tại của nền kinh tế quy mô nhỏ, địa phương miền núi, kết cấu hạ tầng yếu,...ảnh hưởng lên mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội, nhất là ảnh hưởng đến chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nhà đầu tư. Tình hình dân di cư tự do diễn biến phức tạp, nạn phá rừng, tranh chấp đất đai, khiếu kiện kéo dài vẫn còn diễn ra gây mất an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh.

## **II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÁC CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH ĐẢNG, PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC**

### **1. Triển khai các chủ trương, chính sách của Đảng**

Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo tuyên truyền, quán triệt thực hiện, học tập đầy đủ các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII, ngày 30 tháng 10 năm 2016 về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ và thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15 tháng 5 năm 2016 về “*đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*” cho toàn thể cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh tổ chức học tập các chỉ thị, nghị quyết của đảng các cấp cho 100% cán bộ, công chức, viên chức nhằm bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên định với chủ nghĩa Mác-Lê Nin và tư tưởng Hồ

Chí Minh, nâng cao cảnh giác, đấu tranh làm thất bại âm mưu “*Diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ*” của các thế lực thù địch.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và bầu cử đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2016-2021 thành công. UBND tỉnh đã chỉ đạo kịp thời các cơ quan chuyên môn tham mưu các nghị quyết, xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu do cấp trên giao và chỉ tiêu nghị quyết của Đảng bộ, HĐND cùng cấp trong đó các chỉ tiêu cơ bản về kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng. Hoạt động quản lý điều hành của chính quyền được nâng lên rõ rệt, cải cách hành chính theo cơ chế một cửa được thực hiện nghiêm túc, các thủ tục hành chính được niêm yết công khai tại trụ sở để nhân dân biết. Đã tiến hành rà soát, quy hoạch, sắp xếp, điều chỉnh đội ngũ cán bộ, công chức đủ về số lượng, cơ bản đáp ứng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đủ phẩm chất chính trị, năng lực công tác, đạo đức lối sống.

## **2. Triển khai các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quy định của các Bộ, ngành Trung ương**

Nhiệm kỳ 2016-2021, UBND tỉnh đã quán triệt và thực hiện hiệu quả tất cả các Nghị quyết, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, quy định của các Bộ, ngành Trung ương về tất cả các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh. Áp dụng linh hoạt các chính sách, định hướng của Chính phủ, của Bộ, ngành Trung ương phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

### **III. VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA UBND TỈNH**

#### **1. Số lượng, cơ cấu, chất lượng thành viên UBND tỉnh**

Tại Kỳ họp thứ nhất nhiệm kỳ 2016-2021, UBND cấp tỉnh đã bầu được Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch và 19 Ủy viên UBND tỉnh. Năm 2019 có 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh chuyển công tác; năm 2020, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh và 01 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh nghỉ hưu. HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông đã tiến hành kiện toàn Chủ tịch UBND tỉnh và Phó Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

#### **2. Tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh**

Thực hiện Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 và Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh Đắk Nông đã ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức cho các cơ quan chuyên môn (Nội vụ, Tư Pháp, Kế hoạch và Đầu

tư, Tài chính, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải,...) theo quy định.

Thực hiện Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đang xây dựng lại quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức trình UBND tỉnh để ban hành Quyết định thay thế.

Chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan chuyên môn đã được tách bạch, không còn chồng chéo, đùn đẩy công việc lẫn nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh xuống cơ sở được kịp thời và có hiệu quả, góp phần rất lớn vào chương trình tổng thể cải cách hành chính của Chính phủ.

#### **IV. VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA UBND TỈNH**

##### **1. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh**

UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh các Thông tư hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương bằng chương trình, kế hoạch cụ thể theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, UBND tỉnh xây dựng quy chế làm việc, phân công trách nhiệm cho các thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh.

Công tác chỉ đạo, điều hành các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng được thực hiện chặt chẽ, tương đối toàn diện. Những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành trong những năm qua được UBND tỉnh bàn bạc thống nhất, đề ra kế hoạch triển khai thực hiện một cách kịp thời và có hiệu quả.

Các thành viên UBND tỉnh đã chủ động chỉ đạo thực hiện và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực được phân công, tham gia quyết định tập thể những vấn đề thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh. Những công việc có liên quan đến nhiều lĩnh vực thường được bàn bạc, thống nhất phương án xử lý tại các cuộc họp tháng, quý, hoặc giao ban tuần do Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì.

Đã tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra việc thi hành hiến pháp, luật, các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ, ngành Trung ương và Nghị quyết của HĐND cùng cấp, tuyên truyền và thực thi có hiệu quả các văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương; đã xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của UBND

tình theo trình tự, quy trình từ khâu khảo sát, xây dựng, lập đề cương soạn thảo, dự thảo văn bản, lấy ý kiến tập thể và quyết định ban hành.

Những chính sách, quyết định hành chính của UBND tỉnh từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã có tác động tích cực đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống của nhân dân ở địa phương, đó là xây dựng và triển khai thực hiện các đề án về cơ cấu vốn đầu tư trường học, trung tâm giáo dục thường xuyên, giao thông, thủy lợi, lưới điện hạ áp nông thôn, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, điều chỉnh địa giới hành chính cấp huyện, xã; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; các chương trình về trợ giá, trợ cước hàng hoá nông sản, chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong sản xuất nông nghiệp; các đề án về thủy lợi vừa và nhỏ, phát triển ngành du lịch, các giải pháp xoá đói giảm nghèo, đào tạo nghề và giải quyết việc làm, xã hội hoá công tác giáo dục, y tế, thể dục thể thao. Đặc biệt, là việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia như chương trình 132, 134,... của Thủ tướng Chính phủ đối với đồng bào dân tộc thiểu số; chương trình xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, phòng chống tệ nạn xã hội,..v.v.

## **2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp trên các lĩnh vực kinh tế của đời sống xã hội**

*2.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) duy trì ổn định và bền vững, quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng và huy động được tiềm năng vào tăng trưởng; đưa Đắk Nông thoát khỏi tình trạng nghèo, chưa phát triển*

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016 -2020<sup>(1)</sup> ước đạt 7,7%/KH trên 9%, không đạt kế hoạch đề ra<sup>(2)</sup>. Nguyên nhân chủ yếu do khu vực công nghiệp tăng trưởng thấp hơn dự kiến do nhà máy luyện nhôm Trần Hồng Quân chậm tiến độ.

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn<sup>(3)</sup> (giá so sánh 2010, theo hệ số trung gian mới và theo đánh giá số liệu của Tổng cục Thống kê) ước đạt 6,02% (gần bằng với mức bình quân chung của cả nước giai đoạn 2016-2020 là 6,8%), quy mô nền kinh tế tăng 1,34 lần so với đầu nhiệm kỳ: Tăng trưởng bình quân khu vực nông nghiệp đạt 5,7% (cao hơn bình quân chung của cả nước 1,52%) tiếp tục là trụ cột tăng trưởng. Bước đầu huy động được tiềm năng

<sup>1</sup> Giá so sánh 2010 - theo hệ số trung gian thời điểm xây dựng KH và theo cách đánh giá của tỉnh.

<sup>2</sup> Trong đó: KV1 đạt 5,7%/KH 5,27%; KV2 đạt 13,5%/KH 20,94%; KV3 đạt 7,7%/KH 7,15%; Thuế trừ trợ cấp SP đạt 7,6%/KH 12,17%.

<sup>3</sup> Công bố tại Công văn số 321/TCTK-TKQG ngày 12/3/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc thông báo kết quả số liệu GRDP chính thức năm 2018, sơ bộ năm 2019 và ước tính năm 2020 (cả giai đoạn 2010-2020).

khoáng sản bôxít, alumin vào tăng trưởng, quy mô khu vực công nghiệp tăng 1,78 lần, tốc độ bình quân đạt 12,22%/năm, đóng vai trò là động lực thúc đẩy tăng trưởng của nền kinh tế. GRDP bình quân đầu người tăng từ 38,65 triệu đồng năm 2016 lên 49,65 triệu đồng vào năm 2020, thoát khỏi nhóm tỉnh có thu nhập bình quân đầu người thấp<sup>(4)</sup>.

*2.2. Ngành công nghiệp có bước phát triển khá, từng bước trở thành ngành kinh tế động lực cho phát triển và chuyển dịch kinh tế của tỉnh. Bước đầu hình thành vùng công nghiệp trọng điểm luyện Alumin, nhôm của quốc gia*

Sản xuất công nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng cao<sup>(5)</sup>, đa số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng khá<sup>(6)</sup>. Bước đầu hình thành chuỗi công nghiệp Alumin - luyện nhôm và sau nhôm, đưa nhà máy Alumin Nhân Cơ vào hoạt động từ cuối năm 2016, với công suất 650 ngàn tấn alumin/năm, đạt hiệu quả cao<sup>(7)</sup>; Triển khai xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Nhân Cơ, đẩy nhanh tiến độ Nhà máy luyện nhôm Đắc Nông<sup>(8)</sup>. Khai thác và phát huy tốt các tiềm năng về công nghiệp chế biến nông<sup>(9)</sup>, lâm sản<sup>(10)</sup>, công nghiệp nhẹ<sup>(11)</sup> và công nghiệp năng lượng<sup>(12)</sup> tạo ra các sản phẩm có sức cạnh tranh cả thị trường trong và ngoài nước<sup>(13)</sup>, đóng góp lớn cho nâng cao thu nhập và giải quyết việc làm. Khu công nghiệp Nhân Cơ 2 đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý bổ sung vào Quy

<sup>4</sup> GRDP bình quân đầu người của tỉnh xếp thứ 39/63 tỉnh thành, xếp vào nhóm thu nhập trung bình thấp cả nước.

<sup>5</sup> Tốc độ tăng trưởng bình quân GRDP giai đoạn 2016-2020 đạt 12,22%.

<sup>6</sup> Sản phẩm điện thương phẩm tăng gần 2 lần; sản phẩm đá xẻ tăng 3,41 lần; sản phẩm thùng, bể chứa và các vật liệu bằng nhôm tăng 4 lần; ván ép từ gỗ tăng 3,24 lần; sản phẩm cao su tăng 1,5 lần; sản phẩm giường tủ, bàn ghế tăng gần 4 lần, nước sinh hoạt tăng 4 lần. Hơn 10.000 công nhân làm việc trong ngành CN.

<sup>7</sup> Doanh thu năm 2017 của dự án là 3.985 tỷ đồng và năm 2018 là 6.379 tỷ đồng, giải quyết việc làm trực tiếp cho khoảng 1.100 lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động tại địa phương.

<sup>8</sup> Dự án nhà máy điện phân nhôm được khởi công xây dựng từ tháng 02/2015 tại Khu công nghiệp Nhân Cơ và do Công ty TNHH luyện kim Trần Hồng Quân. Dự kiến Dự án sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động trong thời gian tới với công suất thiết kế là 450.000 tấn sản phẩm/năm (công suất giai đoạn 1 là 75.000 tấn nhôm/năm).

<sup>9</sup> Thu hút đầu tư thêm dự án chế biến hồ tiêu của Công ty CP DV-TM XNK Trần Châu, công suất 950 tấn/năm; Công ty CP SAM nông nghiệp công nghệ cao, công suất 4.000 tấn/năm. Nhiều doanh nghiệp chế biến cà phê bột được hình thành, nâng cao tỷ lệ chế biến cà phê bột trên địa bàn tỉnh, sản lượng cà phê bột giai đoạn 2016-2020 ước đạt 6.915,0 tấn, vượt 4% kế hoạch đề ra và tăng 75% so với giai đoạn 2011-2015.

<sup>10</sup> Nhà máy sản xuất ván dán công nghệ cao của Công ty cổ phần ván công nghệ cao BiSon, công suất 60.000m<sup>3</sup>/năm. Sản phẩm bàn, giường tủ bằng gỗ đạt 784 ngàn sản phẩm, tăng 231%.

<sup>11</sup> Nổi bật là nhiều cơ sở sản xuất sản phẩm cửa nhựa lõi thép được hình thành đáp ứng nhu cầu thị trường, dần thay thế vật liệu truyền thống.

<sup>12</sup> Công nghiệp sản xuất điện năng (gồm 14 nhà máy thủy điện với công suất 349,11 MW và 02 nhà máy điện mặt trời với công suất 106,4 MWp).

<sup>13</sup> Sản lượng cà phê nhân xuất khẩu hàng năm của tỉnh khoảng hơn 116.000 tấn; cao su mũ còm hàng năm được chế biến khoảng 12.000 tấn; sản lượng tiêu xuất khẩu hàng năm khoảng 3.267 tấn; điều nhân hàng năm chế biến được khoảng 3.200 tấn và xuất khẩu được khoảng hơn 1.000 tấn; sản lượng ván MDF, ván dán hàng năm sản xuất khoảng hơn 70.000 m<sup>3</sup>/năm, ngoài ra còn có khoảng 30 cơ sở đăng ký chế biến lâm sản và sản xuất mộc dân dụng với quy mô hộ gia đình nằm rải rác trong các khu dân cư, sản xuất giường tủ, bàn, ghế... phục vụ nhu cầu tại địa phương.



hoạch phát triển các khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, với diện tích 400 ha<sup>(14)</sup> để tiếp tục phát triển công nghiệp sau Nhôm. Báo cáo trung ương tổng kết Kết luận của Bộ Chính trị về Quy hoạch, phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến quặng bô xít giai đoạn từ năm 2007 đến 2015, có xét đến năm 2025.

*2.3. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị trên diện tích canh tác, đổi mới phương thức sản xuất, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, sản xuất theo hướng thị trường, thực hiện hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*

Ngành nông nghiệp tiếp tục đóng vai trò trụ cột trong nền kinh tế nội tỉnh<sup>(15)</sup>. Việc thực hiện đề án tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bước đầu đã có tác động tích cực, nâng giá trị sản xuất trên 01 ha đất nông nghiệp từ 64,7 triệu đồng lên 71,5 triệu đồng; tái cơ cấu trồng trọt đạt 69,570 ha đạt khoảng 20,8% diện tích đất sản xuất nông nghiệp; Quy mô và sản lượng nông nghiệp tăng đáng kể<sup>(16)</sup>, hầu hết diện tích và sản lượng các cây công nghiệp chủ lực của tỉnh tăng cao<sup>(17)</sup>, giá một số sản phẩm như cà phê, tiêu... không ổn định và có xu hướng giảm vào những năm cuối giai đoạn, đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến thu nhập và đời sống của người dân. Năng suất các cây trồng tăng nhờ vào việc cải thiện chất lượng giống cây trồng, cơ cấu cây trồng, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và triển khai chương trình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao<sup>(18)</sup>.

Tình hình chăn nuôi trong nhiều năm qua có những chuyển biến tích cực, từ quy mô nhỏ lẻ sang trang trại tập trung<sup>(19)</sup>, thị trường đầu ra ổn định do người dân liên kết chăn nuôi với các công ty chăn nuôi lớn, một số vật nuôi tăng mạnh do thực hiện các Đề án, chương trình, dự án, chính sách định hướng phát triển của tỉnh phát huy hiệu quả<sup>(20)</sup>. Nuôi trồng và khai thác thủy sản gia tăng ổn định

<sup>14</sup> Tại Công văn số 1293/TTg-CN Ngày 23/9/2020. Hiện tại, Ban Quản lý các khu công nghiệp đang chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND tỉnh lựa chọn nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Nhân Cơ 2 đúng theo quy định pháp luật.

<sup>15</sup> Tổng giá trị gia tăng ngành Nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 41,58% tổng giá trị gia tăng của tỉnh. Lý do: vai trò trụ cột trong nền kinh tế nội tỉnh được thể hiện ở nội dung đóng góp ở giá trị kinh tế. Diện tích đất nông, lâm nghiệp là 660 ngàn ha, chiếm 89,4% diện tích toàn tỉnh, số lao động trong ngành nông nghiệp chiếm trên 79,5 % tổng số lao động.

<sup>16</sup> Năm 2020, tổng diện tích gieo trồng đạt 326 ngàn ha, tăng 65 ngàn ha so với đầu giai đoạn, tổng sản lượng lương thực đạt 440 ngàn tấn, tăng 39 ngàn tấn so với đầu giai đoạn.

<sup>17</sup> Năm 2020, diện tích cà phê ước đạt 131,2 ngàn ha, sản lượng 306,7 ngàn tấn, tăng 7,6 ngàn ha, tăng 56 ngàn tấn so với đầu nhiệm kỳ; diện tích hồ tiêu ước đạt 32,7 ngàn ha, sản lượng 63,2 ngàn tấn, tăng 4,7 ngàn ha, tăng 29 ngàn tấn so với đầu nhiệm kỳ.

<sup>18</sup> Năng suất bình quân cây cà phê tăng 1 tạ/ha/năm và các cây nông sản chủ lực khác hằng năm đều tăng.

<sup>19</sup> Hiện nay số trang trại tập trung trên địa bàn toàn tỉnh là 141 trang trại.

<sup>20</sup> Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020, đàn trâu đạt 5,783con tăng 0,06%/năm, đàn bò đạt 34,421 con tăng 5,42%/năm, đàn lợn đạt 208.855 con tăng 13,66%/năm và gia cầm đạt 2,636 nghìn con tăng 9,67%/năm

hàng năm, người dân đã tích cực tận dụng thêm mặt nước tại các hồ thủy điện để nuôi cá lồng, bè<sup>(21)</sup>, hình thành và phát triển những vùng chuyên canh.

Công tác phòng, chống, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi được thực hiện tốt, công tác thú y, kiểm dịch, tiêm phòng, giết mổ được chú trọng, dịch bệnh được kiểm soát, ngăn chặn kịp thời các ổ dịch bùng phát, không chế các dịch bệnh (tả lợn Châu Phi, lở mồm long móng) đảm bảo cho người dân yên tâm tái đàn chăn nuôi.

Cơ giới hóa nông nghiệp cơ bản đảm bảo yêu cầu sản xuất; các ngành dịch vụ nông nghiệp phát triển rộng khắp, tốc độ tăng trưởng khoảng 6%/năm, đóng góp 2,3% giá trị ngành, các sản phẩm nông nghiệp chủ lực ngày càng khẳng định vị thế trên thị trường. Từng bước khuyến khích và nhân rộng được các mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao<sup>(22)</sup>. Bộ mặt và kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thay đổi rõ rệt<sup>(23)</sup>, đời sống và thu nhập người dân từng bước được cải thiện, tiếp tục triển khai đầu tư các dự án ổn định dân di cư tự do<sup>(24)</sup>. Đẩy mạnh các nguồn lực xã hội để thực hiện các chương trình nông thôn và chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, đạt nhiều kết quả<sup>(25)</sup>.

Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả quan trọng, mỗi xã đạt bình quân 15 tiêu chí trở lên (vượt NQ đề ra); có 28 xã, 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Diện mạo và kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn thay đổi rõ rệt, đời sống và thu nhập người dân từng bước được cải thiện.

*2.4. Hoạt động thương mại và dịch vụ được mở rộng; xuất, nhập khẩu có bước tăng trưởng khá; bước đầu khai thác tiềm năng du lịch của tỉnh*

2.4.1. Hoạt động thương mại, dịch vụ: Chuyển biến tích cực, ngành nghề ngày càng đa dạng như dịch vụ, du lịch, vận tải, bưu chính viễn thông, ngân hàng, tín dụng, bảo hiểm... Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ và doanh thu

<sup>21</sup> Đến nay, diện tích mặt nước nuôi thủy sản 2.006ha, sản lượng ước 7.370tấn, tăng 2.970 tấn so với 2015 và vượt 13.38% kế hoạch (KH 6.500 tấn). Trong đó: Sản lượng thủy sản khai thác ước tăng 282 tấn, nuôi trồng 2.688 tấn so với năm 2015.

<sup>22</sup> Đến nay toàn tỉnh có trên 270 ha sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; bước đầu định hướng hình thành được 05 vùng sản xuất ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao và trên 69,5 ngàn ha ứng dụng một phần công nghệ cao, đóng vai trò là tiền đề để nhân rộng mô hình nông nghiệp công nghệ cao trong thời gian tới.

<sup>23</sup> Toàn tỉnh có 280 hệ thống công trình thủy lợi, dự kiến đến hết năm 2020 đảm bảo cho 80,44% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới.

<sup>24</sup> Dự án ổn định dân di cư tự do xã Quảng Trục, Đắk Ngo, huyện Tuy Đức tỉnh Đắk Nông có tổng mức đầu tư 182 tỷ đồng, mục tiêu của Dự án là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho các đồng bào dân tộc thiểu số, tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đến nay giải ngân đạt 69 tỷ đồng.

<sup>25</sup> Tổng nguồn lực đầu tư vào khu vực nông thôn là hơn 73 ngàn tỷ; trong đó vốn NSNN là 730 tỷ đồng, vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án là 4,6 ngàn tỷ đồng, vốn tín dụng là 66,7 ngàn tỷ đồng, vốn doanh nghiệp và cộng đồng dân cư là 1,3 ngàn tỷ đồng.

dịch vụ giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt hơn 71 ngàn tỷ đồng, đạt hơn 96% kế hoạch đề ra, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 6,5%/năm. Cung cầu hàng hoá ổn định, mặt hàng phong phú, mảng lưu ý kinh doanh được mở rộng ở cả đô thị, nông thôn và vùng sâu vùng xa, đáp ứng tốt nhu cầu của nhân dân. Giá cả tương đối ổn định, chỉ số CPI tăng cao vào thời điểm đầu nhiệm kỳ, từ năm 2017 đến cuối nhiệm kỳ tương tự do ảnh hưởng qua chính sách kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ và các giải pháp tăng cường quản lý của địa phương có bước phát triển, góp phần tích cực ổn định thị trường, giá cả và đáp ứng nhu cầu của người dân<sup>(26)</sup>. Toàn tỉnh hiện có 46 chợ phân bố trên địa bàn các huyện, thị xã, cơ bản đáp ứng nhu cầu giao thương của nhân dân.

2.4.2. Hoạt động nhập khẩu tiếp tục được đẩy mạnh, quy mô và tốc độ tăng trưởng đạt khá<sup>(27)</sup>. Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực là các loại nông sản MDF, còn tinh chế. Mọi liên kết kinh tế, thương mại, hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh đạt được nhiều bước tiến, một số sản phẩm thế mạnh tạo được thương hiệu và thị trường riêng trên trường quốc tế, thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng, ngoài việc duy trì các thị trường truyền thống, các doanh nghiệp xuất khẩu trên địa bàn tỉnh đang chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường mới<sup>(28)</sup>.

2.4.3. Phát triển du lịch là một trong "Ba đột phá" mà Tỉnh ủy tiếp tục tập trung phát triển trong giai đoạn 2016-2020, hoạt động văn hóa du lịch đã có những khởi sắc; được chú trọng và đạt nhiều tiến bộ. Tổng lượt khách du lịch cả giai đoạn khoảng 1,7 triệu lượt người, đạt 87,9% kế hoạch đề ra<sup>(29)</sup>; tổng doanh thu khoảng 180 tỷ đồng, đạt 67,3% kế hoạch đề ra<sup>(30)</sup>. Toàn tỉnh hiện có 07 khu, điểm du lịch được chấp thuận chủ trương đầu tư<sup>(31)</sup>; Việc phát hiện hệ thống

<sup>26</sup> Siêu thị Co.opMart Đắk Nông; khu phức hợp Thương mại và dịch vụ Tất Thành; trung tâm thương mại Kiên Đức  
<sup>27</sup> Kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020 đạt 5.132 triệu USD, đạt 118,77% kế hoạch đề ra. Kim ngạch nhập khẩu giai đoạn đạt 1.150 triệu USD, đạt 173% kế hoạch đề ra, nhập khẩu chủ yếu là máy móc, thiết bị và nguyên liệu sản xuất, nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư nhà máy, trang thiết bị và chế biến thành phẩm của doanh nghiệp trong tỉnh.  
<sup>28</sup> Đến nay hàng hóa của tỉnh đã xuất khẩu đến 35 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, nhiều nhà đầu tư là các tập đoàn nước ngoài đến tìm hiểu, đặt chi nhánh hoạt động trên địa bàn.  
<sup>29</sup> Chỉ tiêu tại Nghị quyết 09/2012/NQ-HĐND, ngày 31/5/2012 của HĐND tỉnh về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển du lịch giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến 2020 đề ra 1.934 ngàn lượt.  
<sup>30</sup> Chỉ tiêu tại Nghị quyết 09/2012/NQ-HĐND, ngày 31/5/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển du lịch giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến 2020 đề ra 267.800 triệu đồng.  
<sup>31</sup> Khu du lịch sinh thái văn hóa cụm thác Eray Sáp - Gia Long, xã Đắk Sờr, huyện Krông Nô; Điểm du lịch sinh thái thác Trinh Nữ, TT Ea TLing, huyện Cư Jút; Điểm du lịch sinh thái số 1 thác Đắk Glum, xã Quảng Tâm, huyện Tuy Đức; Thiên viện Trúc Lâm Đạo Nguyên thuộc Khu du lịch sinh thái văn hóa lịch sử Năm Nung, xã Năm N'jang, huyện Đắk Song; Tu viện Liễu Quán thuộc Khu du lịch sinh thái văn hóa Ta Eung, xã Đắk Som, huyện Đắk

hang động núi lửa dài nhất Đông Nam Á tại huyện Krông Nô và được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu đã tạo điểm nhấn mới, là tiềm năng cho ngành du lịch của tỉnh trong giai đoạn tới.

*2.5. Công tác quy hoạch từng bước đổi mới tư duy, thay đổi hệ thống quy hoạch chung theo Luật Quy hoạch; tăng cường quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch khai thác tài nguyên khoáng sản*

Tổ chức, sắp xếp lại hệ thống quy hoạch tỉnh<sup>(32)</sup>, triển khai các quy định mới về quy hoạch<sup>(33)</sup>, bãi bỏ các quy hoạch trái với cơ chế thị trường, tổ chức xây dựng “Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2020-2030, tầm nhìn đến năm 2050” trình Thủ tướng Chính phủ và đã được phê duyệt. Tiếp tục quy hoạch chi tiết tại thành phố Gia Nghĩa<sup>(34)</sup> và các đô thị trung tâm huyện, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong thực tiễn và từng bước khắc phục tình trạng quy hoạch kéo dài, chậm triển khai. Tổ chức điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 theo phê duyệt của Chính phủ<sup>(35)</sup>, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, tổ chức rà soát toàn bộ diện tích đất nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh. Cơ bản hoàn thành điều tra, thăm dò, đánh giá trữ lượng bô xít, tổ chức điều chỉnh quy hoạch khoáng sản đến năm 2020, điều chỉnh quy hoạch ba loại rừng nhằm khắc phục tình trạng sai khác giữa quy hoạch và hiện trạng thực tế<sup>(36)</sup>, phê duyệt phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác.

*2.6. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị được xác định là một trong ba đột phá của tỉnh, được ưu tiên đầu tư và bước đầu đã đạt được hiệu quả nhất định*

#### 2.6.1. Hạ tầng giao thông, vận tải:

---

G'Long. Dự án nông nghiệp công nghệ cao và du lịch sinh thái Phước Sơn tại huyện Đắk R'Lấp; Khu du lịch Thiền Hiếu về trái tim tại Khu du lịch sinh thái văn hóa lịch sử Năm Nung.

<sup>32</sup> Cụ thể: Tạm dừng phê duyệt chủ trương lập quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực từ năm 2016; Rà soát 125 quy hoạch ngành lĩnh vực để chấn chỉnh lại công tác quy hoạch; tạm dừng phê duyệt đối với 12 quy hoạch lĩnh vực nông nghiệp. Rà soát, tham mưu UBND tỉnh hủy bỏ toàn bộ đối với 32 quy hoạch, hủy bỏ một phần đối với 16 quy hoạch, chuyển tiếp thực hiện 35 quy hoạch ngành lĩnh vực theo Điều 59, Luật Quy hoạch.

<sup>33</sup> Triển khai hướng dẫn Luật Quy hoạch và các Nghị định, thông tư; Cấp tỉnh chỉ có 01 quy hoạch duy nhất là Quy hoạch tỉnh, trong đó tích hợp, tổng hợp tất cả các nội dung quy hoạch ngành, lĩnh vực, địa phương và các quy hoạch của Trung ương. Là bản quy hoạch để trực tiếp thực thi trên địa bàn tỉnh theo tinh thần của Luật Quy hoạch 2017.

<sup>34</sup> Riêng thành phố Gia Nghĩa, lũy kế đến nay đã có 55 quy hoạch phân khu chi tiết; điều chỉnh 07 khu quy hoạch.

<sup>35</sup> Tại Nghị quyết 50/NQ-CP, ngày 10/5/2018 về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Đắk Nông.

<sup>36</sup> Tại Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh: Theo đó, diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp hiện nay là 293,5 ngàn ha, giảm gần 26 ngàn ha so quy hoạch của năm 2013.

Kết cấu hạ tầng giao thông dần được nâng cấp, hoàn thiện: Trong giai đoạn ước nâng cấp được 555 km đường giao thông<sup>(37)</sup> nâng tỷ lệ nhựa hóa đường toàn tỉnh lên 65%, nhựa hóa đường huyện lên 76%<sup>(38)</sup>, xây dựng 59 cầu dân sinh. Công tác xã hội hóa vẫn tiếp tục được đẩy mạnh, các doanh nghiệp kinh doanh vẫn tiếp tục phát triển cả về số lượng phương tiện, khối lượng vận tải tăng hàng năm, cơ bản đáp ứng được nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân<sup>(39)</sup>. Vận tải hàng hóa đã từng bước đưa vào quản lý theo lộ trình quy định của Chính phủ<sup>(40)</sup>. Khối lượng vận tải hành khách và hàng hóa bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đều tăng<sup>(41)</sup>.

2.6.2. Hạ tầng đô thị: Dầu từ chính trang đô thị, thị xã Gia Nghĩa được công nhận lên thành phố, tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 28%, chưa đạt kế hoạch đề ra (KH 30%). Hầu hết, các công trình trụ sở làm việc các cơ quan chính trị, hành chính, lực lượng vũ trang và các trụ sở làm việc các tổ chức chính trị đã được đầu tư hoàn chỉnh. Các chi tiêu về thu gom, xử lý rác thải, cấp nước, điện tích nhà ở đều đạt khá, cơ bản đáp ứng các dịch vụ về đô thị.

2.6.3. Hạ tầng thủy lợi: Công tác đầu tư mới, sửa chữa, nâng cấp công trình, cũng như đầu tư kiến cơ hóa hệ thống kênh mương luôn được chú trọng, nhằm nâng cao năng lực phục vụ tưới, đảm bảo an toàn cho các công trình vào mùa mưa lũ và thủy lợi<sup>(42)</sup>. Hệ thống thủy lợi đã góp phần tăng nhanh diện tích đất sản xuất nông nghiệp, sản lượng lương thực và giá trị sản xuất nông nghiệp.

2.6.4. Dầu từ phát triển hạ tầng điện<sup>(43)</sup>: Thu hút đầu tư và đưa vào vận hành 01 nhà máy thủy điện, 02 nhà máy điện năng lượng mặt trời, năng tỷ lệ thôn, bon có điện lưới quốc gia đạt 100%<sup>(44)</sup>. Hệ thống lưới điện đang được cải

<sup>37</sup> Gồm: 56 km quốc lộ, 99 km đường huyện, 338 đường xã, thôn, bon; 38 km đường đô thị. Dầu từ năng cấp đạt chuẩn loại IV đối với 07 bên xe cấp huyện, xây dựng bên xe liên tỉnh Gia Nghĩa đạt loại III.  
<sup>38</sup> Tính theo thời điểm xây dựng KH, tỷ lệ nhựa hóa đường huyện là 100%; Tuy vậy, theo quyết định phân loại mới, thì đường huyện tăng lên 152 km (tổng cộng là 650km) dẫn đến tỷ lệ thực tế là 76%.  
<sup>39</sup> Toàn tỉnh, hiện nay có 09 bên xe khách, trong đó có 07 bên xe được đầu tư nâng cấp đạt chuẩn loại IV tại các huyện và xây dựng 01 bên xe liên tỉnh đạt tiêu chuẩn loại III tại Gia Nghĩa (chỉ còn 01 bên xe tại Đăk Mil chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ GTVT, hiện tại đang được triển khai đầu tư xây dựng dự kiến hoàn thành trong năm 2020). Tổng số đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn tỉnh hiện tại là 28 đơn vị, tăng 07 đơn vị so với cùng kỳ năm 2015; tổng số tuyến vận tải hành khách có định dạng hoạt động là 154 tuyến, tăng 44 tuyến so với năm 2015.  
<sup>40</sup> Hiện đã có 38 doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký và được cấp giấy phép kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô  
<sup>41</sup> Mức tăng bình quân khối lượng vận chuyển hành khách là 7%; hàng hóa là 8%.  
<sup>42</sup> Hiện toàn tỉnh có 280 hệ thống công trình thủy lợi do ngành nông nghiệp đầu tư quản lý, trong đó: có 239 công trình hồ chứa, 25 đập dâng, 07 trạm bơm, 09 kênh tiêu, góp phần nâng tỷ lệ đảm bảo nguồn nước cho diện tích cần tưới đạt 80,44%.  
<sup>43</sup> Dầu từ xây dựng 501 trạm biến áp, 139 km đường dây trung áp, 306 km đường dây hạ áp.  
<sup>44</sup> Đến nay, hệ thống điện tỉnh Đăk Nông có: tổng chiều dài đường dây 4.746 km và 2062 trạm biến áp truyền tải và phân phối. 14 nhà máy thủy điện với công suất 349,11 MW, 02 nhà máy điện mặt trời với công suất 106,4 MW đang vận hành cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia.

tạo, nâng cấp, mở rộng đến vùng sâu, vùng xa<sup>(45)</sup>. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 100% số thôn, buôn có điện, 99% số hộ dân được sử dụng điện (đạt kế hoạch đề ra).

2.6.5. Cơ sở hạ tầng dịch vụ thông tin, truyền thông ngày càng phát triển đa dạng, cơ bản đảm bảo nhu cầu của người dân. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh dần hình thành tạo nền tảng phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước xây dựng Chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn<sup>(46)</sup>; lĩnh vực bưu chính chuyển dần từ các dịch vụ bưu chính truyền thống sang phát triển dịch vụ chuyển phát cho thương mại điện tử, tham gia hỗ trợ các dịch vụ công góp phần hiện đại hóa nền hành chính địa phương<sup>(47)</sup>; mạng lưới viễn thông phát triển rộng khắp, chất lượng dịch vụ ngày càng nâng cao, thông tin liên lạc bảo đảm thông suốt từ đô thị đến nông thôn, khu vực biên giới<sup>(48)</sup>.

*2.7. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội, đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước tăng khá. Thu ngân sách nhà nước đạt kế hoạch đề ra, đa dạng hóa các nguồn vốn để thúc đẩy phát triển kinh tế*

2.7.1. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 64 ngàn tỷ đồng/KH 74,2 ngàn tỷ đồng, tăng 7,9% so với giai đoạn 2011-2015. Trong bối cảnh cả nước thắt chặt đầu tư công, kiềm chế lạm phát nhưng với sự hỗ trợ của trung ương, nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước tăng khá, góp phần quan trọng trong việc đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội, nợ đọng xây dựng cơ bản từng bước được giải quyết, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, không dàn trải. Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020<sup>(49)</sup> là 10.020 tỷ đồng, tăng 13,4% so với giai đoạn 2011-2015.

<sup>45</sup> Giai đoạn 2016 – 2019 đầu tư xây dựng 501 trạm biến áp ; 139 km đường dây trung áp, 306 km đường dây hạ áp. Trong kỳ đã đưa vào vận hành 01 nhà máy thủy điện nhỏ và 02 nhà máy điện mặt trời; Tổng chiều dài đường dây 4685km và 2062 trạm biến áp truyền tải và phân phối. 14 nhà máy thủy điện với công suất 349,11 MW, 02 nhà máy điện mặt trời với công suất 106,4 MWp đang vận hành cung cấp điện cho hệ thống điện quốc gia.

<sup>46</sup> Hệ thống Văn phòng điện tử và điều hành (iOffice) tích hợp chữ ký số, chứng thư số triển khai đồng bộ 100% các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp xã, đảm bảo kết nối liên thông với trực liên thông văn bản quốc gia; sử dụng Hệ thống thư điện tử của tỉnh với 5.899 hộp thư điện tử công vụ để trao đổi thông tin điện tử trên môi trường mạng; Triển khai ứng dụng chữ ký số với 2.113 chữ ký số, chứng thư số phục vụ công tác chuyên môn; ISO điện tử triển khai vào hoạt động của 78 cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được triển khai tập trung cho toàn tỉnh hoạt động tại địa chỉ <https://dichvucong.daknong.gov.vn> đã cung cấp 2.399 dịch vụ công mức 1, 2, 344 dịch vụ công mức độ 3 và 59 dịch vụ công mức độ 4.

<sup>47</sup> Hạ tầng mạng bưu chính và chuyển phát trên toàn tỉnh có 118 điểm phục vụ (trong đó có 29 bưu cục, 21 thùng thư công cộng độc lập, 44 điểm Bưu điện Văn hóa xã, 3 đại lý bưu điện do Bưu điện tỉnh đang vận hành, quản lý), còn lại là địa điểm giao dịch cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp khác

<sup>48</sup> Tính đến thời điểm báo cáo trên toàn tỉnh có trên 650.000 thuê bao di động trả trước, 65.000 thuê bao di động trả sau, khoảng 5.234 thuê bao điện thoại cố định và 77.005 thuê bao internet cố định (FTTH), 908 trạm BTS.

<sup>49</sup> Bao gồm vốn ODA và các khoản vốn vay khác của NSĐP để đầu tư.

2.7.2. Trong điều kiện ngân sách địa phương còn khó khăn, thu ngân sách trên địa bàn chỉ đáp ứng được khoảng 37,3% dự toán chi hàng năm, chi ngân sách địa phương chủ yếu do ngân sách trung ương hỗ trợ. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn cả giai đoạn đạt 11.530 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra, tăng 1,8 lần so với giai đoạn trước. Tổng chi ngân sách nhà nước cả giai đoạn là 30.486 tỷ đồng, tăng 3,4% so với giai đoạn trước. Nhìn chung, quy mô thu ngân sách ngày càng được mở rộng, tốc độ tăng thu khá cao; quy mô ngân sách liên tục tăng, chính sách tài khóa ngày càng được hoàn thiện.

2.7.3. Hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn được củng cố và mở rộng phát triển mạng lưới hoạt động, phủ khắp địa bàn các huyện, thành phố, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp<sup>(50)</sup>. Trong kỳ báo cáo, trên địa bàn tỉnh thành lập mới 03 chi nhánh Ngân hàng thương mại cấp tỉnh<sup>(51)</sup> và 03 Phòng giao dịch thuộc ngân hàng thương mại chi nhánh tỉnh<sup>(52)</sup>, nâng cấp từ 07 Phòng giao dịch Bưu điện<sup>(53)</sup> và nâng cấp đơn vị quản lý đối với 01 Phòng giao dịch thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chi nhánh tỉnh<sup>(54)</sup>. Lãi suất tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn được áp dụng linh hoạt, ổn định phù hợp với diễn biến thị trường và quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Đến cuối giai đoạn: Nguồn vốn huy động ước đạt 10.220 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 13,33%; Tổng dư nợ ước đạt 31.200 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng tín dụng bình quân đạt 16,92%, tỉ lệ nợ xấu dưới 2% so với tổng dư nợ, tỷ lệ này nằm trong tầm kiểm soát của các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Cơ cấu tín dụng chuyên dịch theo hướng tập trung cho vay các lĩnh vực sản xuất và lĩnh vực ưu tiên của tỉnh, chiếm tỷ trọng từ 90-98% tổng dư nợ, trong đó cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn chiếm hơn 80% tổng dư nợ, đây là những nguồn lực lớn, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

*2.8. Hệ thống doanh nghiệp có bước phát triển, tăng cả về số lượng và vốn đăng ký. Thu hút đầu tư đạt nhiều kết quả tích cực*

2.8.1. Phát triển doanh nghiệp: Giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh có trên 2.700 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới. Với điều kiện khởi nghiệp thuận lợi, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, du lịch, sản xuất nông nghiệp sạch, nông

<sup>50</sup> Tại các địa bàn huyện, thành phố có ít nhất 01 phòng giao dịch của Ngân hàng nông nghiệp và 01 phòng giao dịch của Ngân hàng chính sách xã hội. Tại các xã, phường đều có điểm giao dịch của Ngân hàng chính sách xã hội (toàn tỉnh có 1.555 tổ tiết kiệm và vay vốn).

<sup>51</sup> HD Bank, Nam Á Bank và Vietcombank.

<sup>52</sup> 02 Phòng giao dịch thuộc Vietinbank chi nhánh tỉnh và 01 Phòng giao dịch thuộc BIDV chi nhánh tỉnh.

<sup>53</sup> PGD Bưu điện nâng cấp thành PGD Ngân hàng thuộc Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh tỉnh.

<sup>54</sup> PGD Đức Lập.

nghiệp sinh thái, công nghệ cao; trong giai đoạn vừa qua, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp đã có những đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước và các hộ kinh doanh cá thể dần trở thành động lực kinh tế phát triển chính của tỉnh và có xu hướng tăng dần qua từng năm. Hiện nay, tỉnh tiếp tục duy trì hoạt động 08 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, sau sắp xếp đổi mới, các doanh nghiệp nhà nước từng bước ổn định, tập trung vào nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng và thực hiện các dịch vụ công ích. Về kinh tế tập thể, nhiều hợp tác xã đã phát huy nội lực, phấn đấu vươn lên, mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh.

2.8.2. Thu hút đầu tư: Hoạt động thu hút đầu tư có bước chuyển biến và đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội<sup>(55)</sup>. Tỉnh đã tiếp cận các nhà tài trợ ODA theo hướng chủ động hơn, số lượng các dự án được vận động chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, giảm nghèo, góp phần vào việc cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực và xóa đói giảm nghèo<sup>(56)</sup>. Hoạt động của các dự án NGO tương đối ổn định, có hiệu quả nhất định; 07 dự án FDI tiếp tục triển khai hoạt động với tổng vốn đăng ký thực hiện là 69,5 triệu USD. Trong giai đoạn tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư cho 143 dự án ngoài ngân sách với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 29,4 ngàn tỷ đồng<sup>(57)</sup>.

2.8.3. Cải thiện môi trường kinh doanh: Tỉnh đã có nhiều nỗ lực để cải thiện thủ tục hành chính, cơ chế chính sách nhưng vẫn chưa tạo được môi trường đầu tư thông thoáng cho các doanh nghiệp, đồng thời các địa phương khác cũng có sự cải thiện mạnh mẽ nên thứ hạng PCI của tỉnh vẫn ở nhóm thấp<sup>(58)</sup>. Nguyên nhân chính là do một số cơ quan nhà nước còn chưa thực sự đồng hành cùng doanh nghiệp trong giải quyết khó khăn, vướng mắc, chưa thực sự hiểu đúng về ý nghĩa các chỉ số thành phần mà doanh nghiệp đánh giá, dẫn đến việc đưa ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành chưa sát. Bên cạnh đó còn những khó khăn nội tại của tỉnh và doanh nghiệp như: thị trường nhỏ bé, nguồn

<sup>55</sup> Trong giai đoạn 2016-2020, tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện triển khai đầu tư 10 dự án ODA, với nguồn vốn 1.384 tỷ đồng, đầu tư cho các dự án nâng cao hạ tầng nông nghiệp nông thôn, giáo dục, y tế, giảm nghèo

<sup>56</sup> triển khai đầu tư 10 dự án ODA, với nguồn vốn 1.582 tỷ đồng, đầu tư cho các dự án nâng cao hạ tầng nông nghiệp nông thôn, giáo dục, y tế, giảm nghèo.

<sup>57</sup> Dự án ngoài khu công nghiệp: 123 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 16.025 tỷ đồng (Trong đó có 26 dự án đã chấm dứt hoạt động, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 18 tỷ đồng).

Dự án trong khu công nghiệp: 23 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 723 tỷ đồng (Trong đó có 04 dự án đầu tư đã chấm dứt hoạt động, với tổng vốn đăng ký đầu tư là 67,3 tỷ đồng).

<sup>58</sup> điểm số PCI của tỉnh đã tăng từ 48,96 điểm vào năm 2015 lên 60,50 điểm vào năm 2019, đứng thứ 62/63



lực hạn chế, cơ sở hạ tầng khó khăn chưa được đầu tư đồng bộ, chất lượng nguồn nhân lực yếu... cũng khiến các doanh nghiệp đánh giá thấp môi trường kinh doanh của tỉnh.

*2.9. Quản lý, khai thác có hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên đất, tăng cường chế biến sâu; triển khai quyết liệt công tác bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu*

Từng bước phát huy được tiềm năng về khoáng sản<sup>(59)</sup>, phục vụ cho nhu cầu sản xuất công nghiệp, gắn liền với quản lý chặt chẽ nguồn khoáng sản; công nghiệp khai khoáng và chế biến khoáng sản dần trở thành ngành kinh tế mũi nhọn<sup>(60)</sup>; nhất là đối với chế biến sâu bôxít<sup>(61)</sup> và đá bazan<sup>(62)</sup>. Tổng kết Kế hoạch 437 về quản lý và bố trí sử dụng trên 63 ngàn ha đất có nguồn gốc từ đất rừng<sup>(63)</sup>. Triển khai công tác hoàn thổ sau khai thác bôxít<sup>(64)</sup>. Đẩy mạnh chăm sóc và phát triển rừng, trồng rừng vượt chỉ tiêu đề ra, đạt 8.553 ha/KH 5.000 ha; công tác bảo vệ rừng có nhiều chuyển biến tích cực, giảm dần số vụ vi phạm, ngăn chặn và xóa các điểm nóng về phá rừng, lấn chiếm đất rừng, nâng cao năng lực phòng chống cháy rừng. Tổ chức thực hiện đồng bộ và có hiệu quả pháp luật về môi trường<sup>(65)</sup>, tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại các khu đông dân cư đạt trên 80%, trên 90% trang trại chăn nuôi đạt chỉ tiêu trang trại hợp vệ sinh, vận chuyển xử lý 100% chất thải nguy hại và y tế. Xử lý các điểm nóng về môi trường, tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động đảm bảo môi trường của nhà máy Alumin Nhân Cơ, đưa vào vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung tại KCN Tâm Thắng, tập trung xử lý 07/16 cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng<sup>(66)</sup>. Qua quan trắc, chất lượng không khí, chất lượng nước mặt trên địa bàn tỉnh được duy trì

<sup>59</sup> Theo thống kê, toàn tỉnh đã phát hiện ra 20 loại khoáng sản với trên 160 điểm mỏ.

<sup>60</sup> Ngành khai thác và chế biến khoáng sản tạo việc làm trực tiếp cho trên 2.000 lao động và nhiều lao động gián tiếp, đóng góp cho ngân sách ngày càng tăng: Năm 2016 đóng góp trên 130 tỷ đồng, năm 2017 đóng góp trên 194 tỷ đồng, năm 2018 đóng góp trên 300 tỷ đồng.

<sup>61</sup> Mỏ Bô xít Nhân Cơ được cấp phép với diện tích 3.074 ha, thời hạn khai thác 30 năm, với công suất 42.484 triệu tấn quặng tỉnh.

<sup>62</sup> Tăng 02 cơ sở sản xuất, sản lượng đạt 3.890 ngàn m<sup>3</sup> tăng 278% so với nhiệm kỳ trước.

<sup>63</sup> Thực hiện Kế hoạch 437 về bố trí sử dụng 63.057 ha đất: Quá trình triển khai có nhiều sai lệch về số liệu, chính xác bản đồ theo kế hoạch được giao; sau khi rà soát có 28.522 ha do hộ gia đình, cá nhân sử dụng cần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đã kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận được 25.479 ha, đạt 90%; xét cấp chứng nhận quyền sử dụng đất được 20.696 ha, đạt 85% diện tích đã kê khai, đăng ký.

<sup>64</sup> Hoàn thổ theo đề án Báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ TNMT phê duyệt tại Quyết định số 2144/QĐ-BTNMT ngày 06/11/2013, trong đó đã trồng keo lai trên 35 ha, nghiên cứu chuyển đổi cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn. Đến thời điểm 31/5/2019, đã khai thác được trên 144,3 ha.

<sup>65</sup> Ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 13/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2016-2020.

<sup>66</sup> Gồm: 07 bệnh viện và 07 bãi rác tuyến huyện và 02 cơ sở chế biến mù cao su ở huyện Đắk R'lấp; Bước đầu đã xử lý được tình trạng ô nhiễm tại các bệnh viện tuyến huyện.

tốt. Tổ chức thực hiện chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020.

Tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng vẫn diễn ra phức tạp, không đạt chỉ tiêu bảo vệ rừng<sup>(67)</sup>; chưa có cơ chế phù hợp để nâng cao thu nhập và khuyến khích người nhận khoán quản lý bảo vệ rừng; việc sắp xếp và đổi mới các công ty nông lâm nghiệp nhà nước còn chậm tiến độ; một số dự án nông lâm nghiệp, tình trạng doanh nghiệp, chủ rừng và cơ quan chức năng quản lý chưa chặt chẽ, gây mất rừng, lấn chiếm rừng, kéo theo nhiều điểm nóng về đất đai, an ninh trật tự, khiếu nại khiếu kiện. Trồng mới rừng tập trung được 8.553,8 ha/Kh 5.000 ha, đạt 171% KH. Tỷ lệ che phủ rừng không đạt chỉ tiêu đề ra, chỉ đạt 38%/KH. Việc xử lý chất thải rắn chưa đảm bảo vệ sinh môi trường<sup>(68)</sup>, chất lượng nước ngầm ảnh hưởng do nhiễm chất hữu cơ.

*2.10. Quy mô giáo dục và đào tạo được mở rộng. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển mạnh về số lượng, nâng cao về chất lượng*

Quy mô giáo dục tăng mạnh, mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng<sup>(69)</sup>. Quan tâm thực hiện đồng bộ các giải pháp quy hoạch hệ thống, thành lập mới, điều chỉnh và bố trí các điểm trường, cấp học hợp lý, mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng. Công tác đổi mới quản lý giáo dục được đẩy mạnh và có chuyển biến tích cực và được thể hiện rõ trong việc xây dựng kế hoạch nhà trường, quản lý chất lượng dạy và học, quản lý tài chính, tài sản công. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục phát triển mạnh cả về số lượng, chất lượng, trách nhiệm cao với nghề. Chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến rõ nét; số lượng học sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT và tỷ lệ học sinh khá, giỏi, đạt hạnh kiểm tốt tăng hằng năm; nhiều học sinh thi đạt giải cao, đỗ vào các trường đại học uy tín cả nước. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT hàng năm tăng, đạt trung bình chung cả nước (89,39% năm 2015, đến năm 2019 là 92,78%, năm 2020 là 97,93%). Công tác phổ cập giáo dục Trung học cơ sở, phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập Mầm non cho trẻ 5 tuổi đã

<sup>67</sup> Trong giai đoạn xảy ra 1.865 vụ phá rừng trái pháp luật, thiệt hại 729 ha, mặc dù giảm về số vụ và diện tích rừng thiệt hại hàng năm, nhưng so với kế hoạch đề ra (Giảm 50% về số vụ phá rừng và diện tích thiệt hại hàng năm) thì chỉ tiêu này không đạt.

<sup>68</sup> Toàn tỉnh chỉ có bãi rác Gia Nghĩa đạt chuẩn.

<sup>69</sup> Đến hết năm học 2019-2020, toàn tỉnh có 375 cơ sở giáo dục, với 172.881 học sinh (tăng 18.342 học sinh so với năm học 2015-2016). Cụ thể: Giáo dục mầm non có 123 trường gồm 92 trường công lập, 31 trường ngoài công lập, với 38.102 trẻ. Cấp tiểu học có 131 trường gồm 130 trường công lập, 01 trường ngoài công lập, với 71.104 học sinh. Cấp THCS có 80 trường gồm 78 trường công lập, 02 trường ngoài công lập với 43.813 học sinh. Cấp THPT có 32 trường gồm 31 trường công lập, 01 trường ngoài công lập với 19.170 học sinh. Giáo dục thường xuyên có 01 Trung tâm GDTX - Ngoại ngữ, Tin học tỉnh, 07 Trung tâm GDNN-GDTX huyện, với 652 học viên cấp THPT. Tỉnh có 01 Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh với 40 học sinh, 01 trường Cao đẳng cộng đồng.

hoàn thành và được duy trì bền vững. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được chú trọng đầu tư, nhất là ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa song vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển của địa phương.

*2.11. Công tác y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, dịch vụ y tế công từng bước được nâng cao chất lượng, cơ sở hạ tầng y tế tiếp tục được đầu tư, tổ chức tốt và hiệu quả công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, dịch bệnh bạch hầu*

Công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt nhiều kết quả đáng khích lệ. Cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được đầu tư đáp ứng cơ bản nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân. Số giường bệnh bình quân trên vạn dân đạt 18,5 giường tăng tăng 0,7 so với năm 2016 (năm 2016: 17,8 giường bệnh/vạn dân). Các cơ sở y tế tuyến tỉnh, huyện từng bước được đầu tư nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới, hoàn thành việc đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa 100% trung tâm y tế cấp huyện. Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và phát triển, 100% xã, phường, thị trấn trong tỉnh có trạm y tế, trong đó có 95% được xây dựng; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã tăng từ 31% lên 71,8%.

Đầu tư và kêu gọi xã hội hóa một số hệ thống trang thiết bị y tế hiện đại được phục vụ các kỹ thuật y khoa mới<sup>(70)</sup>, triển khai hiệu quả các chương trình, đề án hợp tác y tế<sup>(71)</sup>. Tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao; ban hành các chính sách đặc thù thu hút nguồn nhân lực cho lĩnh vực y tế<sup>(72)</sup>; tỷ lệ bác sĩ trên vạn dân đạt 8 bác sĩ, tăng 1,3 người so với năm 2016 (năm 2016: 6,7 bác sĩ/vạn dân).

Kiểm soát chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19, bạch hầu. Các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số được

<sup>70</sup> Như: máy phẫu thuật nội soi khớp, máy lọc máu liên tục, máy tán sỏi laser, máy chạy thận nhân tạo, hệ thống phẫu thuật mắt Phaco, hệ thống X-Quang kỹ thuật số, hệ thống CT Scanner 64 lát cắt, máy xét nghiệm đông máu tự động, máy cấy máu tự động, máy đo loãng xương toàn thân bằng tia X, v.v... Bệnh viện đa khoa tỉnh, Trung tâm y tế các huyện Đắk R'Lấp, Đắk Song đã triển khai các dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu như kỹ thuật điều trị thông mạch vành bằng thuốc tiêu sợi huyết, phẫu thuật thay khớp, phẫu thuật vi phẫu, phẫu thuật nội soi, chạy thận nhân tạo, kỹ thuật kết hợp xương hiện đại, kỹ thuật thay khớp,....

<sup>71</sup> Như: phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh thành Bệnh viện vệ tinh của Bệnh viện Chợ Rẫy và của Bệnh viện nhân dân 115; Đề án thành lập Khoa Lão - Tim mạch của Bệnh viện đa khoa tỉnh do Bệnh viện Lão Khoa Trung ương hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật; Chương trình hợp tác y tế giữa Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh và Đắk Nông, với sự hỗ trợ chuyên môn của các bệnh viện hàng đầu, như: Từ Dũ, Nhi Đồng, Bình Dân và Chấn thương chỉnh hình.

<sup>72</sup> Nghị quyết 09/2014/NQ-HĐND 09/2014/NQ-HĐND quy định chính sách thu hút, đãi ngộ đối với bác sĩ, được sĩ đại học và sau đại học về công tác tại cơ quan, đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2015 - 2020. Trong 5 năm qua đã cử đi đào tạo theo hình thức 226 người, thu hút 33 người (29 bác sĩ đa khoa, 01 chuyên khoa I, 03 thạc sĩ). Đến tháng 9/2020, số nhân lực y tế do Nhà nước quản lý là 2.188 người.

thực hiện tốt, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt trên 95%; tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới 5 tuổi giảm từ 0,4% đến 0,6%/năm; công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình chuyển biến tích cực, mức sinh chung của toàn tỉnh đạt 2,2 con. Công tác quản lý nhà nước về y, dược được thực hiện chặt chẽ. Công tác khám chữa bệnh bằng bảo hiểm y tế ngày càng được quan tâm, đảm bảo quyền lợi của người có thẻ bảo hiểm y tế. Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm được cải thiện, không có các vụ ngộ độc thực phẩm hàng loạt và tử vong do ngộ độc thực phẩm.

*2.12. Công tác giải quyết việc làm được chú trọng trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn; quy mô và chất lượng dân số đáp ứng tốt cho nhu cầu lao động; cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực; an sinh xã hội được đảm bảo, công tác xóa đói giảm nghèo triển khai có hiệu quả*

Số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm là 90.629 lượt người<sup>(73)</sup>, vượt kế hoạch đề ra. Công tác đào tạo nghề ngày càng được chú trọng về chất lượng, đồng thời gắn với mục tiêu giải quyết việc làm cho người lao động sau đào tạo<sup>(74)</sup>. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng 8%/cả giai đoạn, trung bình tăng 1,6%/năm. Chính sách tín dụng ưu đãi trong giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục đóng vai trò ngày càng quan trọng trong hỗ trợ và tạo việc làm cho người lao động<sup>(75)</sup>; Công tác giải quyết việc làm cho người lao động đã thực sự giúp người dân có cơ hội tham gia thị trường lao động, đa dạng hóa sinh kế, cải thiện đời sống, giảm nghèo bền vững.

Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 được xác định ưu tiên hàng đầu trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các chính sách giảm nghèo chung của trung ương và các chính sách giảm nghèo đặc thù của tỉnh về vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ phát triển sản xuất, y tế, giáo dục, xây dựng nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt tập trung, đầu tư cơ sở hạ tầng, nhân rộng mô hình giảm nghèo,... từng bước triển khai có hiệu quả, qua đó, tạo cơ hội và động lực cho nhiều hộ nghèo, người nghèo tự vươn lên thoát nghèo bền vững, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm. Tỷ lệ hộ

<sup>73</sup> Trong đó số lao động được tạo việc làm mới và việc làm tăng thêm trong nước là 90.069 lượt người, chiếm 99,01% tổng số lao động được tạo việc làm; chia theo nhóm ngành kinh tế như sau: Công nghiệp và xây dựng là 24.223 lượt người, chiếm 26,89%; Nông lâm nghiệp là 42.859 lượt người, chiếm 47,58%; thương mại và dịch vụ là 22.987 lượt người, chiếm 25,53%. Số lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng là 900 lao động, chiếm 0,99% tổng số lao động được tạo việc làm, chủ yếu tại thị trường Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc.

<sup>74</sup> Trong giai đoạn 2016-2020 toàn tỉnh tổ chức đào tạo nghề cho trên 22 ngàn người, đạt 116,95% so với kế hoạch đề ra; công tác đào tạo nghề vượt 16,95% so với chỉ tiêu đề ra.

<sup>75</sup> Từ nguồn vốn cho vay Quỹ quốc gia giải quyết việc làm và nguồn ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay giải quyết việc làm đã có 7.842 dự án được duyệt với số tiền cho vay 200 tỷ đồng.

nghèo giảm 12,2% so với năm 2016, đạt tỉ lệ bình quân 2,44%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (NQ giảm 2% trở lên)<sup>(76)</sup>.

Công tác đảm bảo an sinh xã hội đã có sự quan tâm đặc biệt của các cấp, các ngành và địa phương. Các chính sách trợ giúp xã hội của Nhà nước được triển khai kịp thời, hiệu quả; công tác cứu đói, hỗ trợ giáp hạt, tặng quà người khuyết tật, trợ giúp đột xuất,... đã kịp thời động viên các gia đình khó khăn, đối tượng yếu thế trong xã hội. Thực hiện tốt chính sách đối với người có công của tỉnh. Phong trào “đền ơn đáp nghĩa”, “uống nước nhớ nguồn” được tổ chức kịp thời nhân ngày Thương binh liệt sỹ và dịp lễ, Tết hàng năm<sup>(77)</sup>. Công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em và bình đẳng giới được quan tâm. Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được hỗ trợ giúp đỡ; trẻ em bị tai nạn thương tích, bị tử vong do đuối nước và bị xâm hại giảm đáng kể. Công tác bình đẳng giới - vì sự tiến bộ của phụ nữ đã đạt được nhiều kết quả tốt; tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng và bộ máy quản lý các cấp giai đoạn 2016-2020 tăng hơn so với giai đoạn trước. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được thường xuyên chú trọng; việc quản lý đối tượng trên địa bàn, lập hồ sơ đưa đối tượng nghiện ma túy của tỉnh vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và áp dụng các biện pháp quản lý sau cai nghiện tại địa phương đảm bảo yêu cầu đặt ra.

*2.13. Mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân ngày càng được nâng cao, phong trào thể dục thể thao phát triển đa dạng, sôi nổi*

Công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống tiếp tục được đẩy mạnh<sup>(78)</sup>, có 23 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú”, “Nghệ nhân nhân dân”; hoàn thành Đề tài “Nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa thổ cẩm của các tộc người thiểu số ở tỉnh Đắk Nông”; công tác truyền dạy đánh chiêng, dệt thổ cẩm, dân ca, nhạc cụ, đan lát, làm cây nêu... được chú trọng và triển khai có hiệu quả, thường xuyên tổ chức khôi phục các lễ hội truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thành công Lễ hội văn hóa thổ cẩm Việt Nam lần thứ I năm 2018, lần thứ II năm 2020 tại tỉnh Đắk Nông. Hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật đạt được một số kết quả tích cực (*hoạt động văn hóa quần chúng được chú trọng*).

<sup>76</sup> Cuối năm 2019, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh là 17.128 hộ chiếm tỷ lệ 10,52% trên tổng số hộ toàn tỉnh (giảm 2,99% so với năm 2018), trong đó, tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số là 24,15% (giảm 5,99% so với năm 2018), tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ là 31,59% (giảm 6,98% so với năm 2018). Ước thực hiện năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo giảm 3,52%.

<sup>77</sup> Các công trình ghi công liệt sỹ trên địa bàn tỉnh thường xuyên được chăm sóc, bảo vệ, tôn tạo, nâng cấp theo quy định. Các Mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống đều được các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhận phụng dưỡng suốt đời

<sup>78</sup> Xây dựng 01 hồ sơ được xếp hạng di tích cấp Quốc gia (địa điểm chiến thắng chiến dịch Tây Quảng Đức) và 01 hồ sơ được xếp hạng di tích cấp tỉnh (địa điểm chiến thắng đồn Bu Prăng).

*các chương trình văn nghệ, tuyên truyền lưu động, cổ động trực quan, chiếu phim lưu động...)* với nội dung và hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú mang tính thời sự cao, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội

Thi đấu thể thao đạt thành tích cao và đáng ghi nhận<sup>(79)</sup>; các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm đầu tư xây dựng, cơ bản đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tập luyện thể thao cho nhân dân. Từng bước vận động được nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh tự giác bảo tồn các giá trị văn hóa, tổ chức các lễ hội truyền thống.

*2.14. Thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc, tôn giáo*

Thực hiện nhất quán chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo; tăng cường công tác QLNN đối với các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo; quan tâm giải quyết kịp thời các nhu cầu tôn giáo thuần túy, thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của giáo hội, chức sắc, tín đồ các tôn giáo với các cấp chính quyền.

*2.15. Công tác đối ngoại được mở rộng, quản lý người nước ngoài trên địa bàn chặt chẽ, an ninh quốc phòng ổn định, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo*

2.15.1. Hoạt động đối ngoại chuyên biến tích cực, chủ động mở rộng các quan hệ hợp tác, liên kết, đầu tư với một số tỉnh, thành trong nước, với một số định chế tài chính quốc tế, tổ chức phi chính phủ và Đại sứ quán, lãnh sự quán của các nước. Công tác đón tiếp đoàn ngoại giao nước ngoài được tổ chức chu đáo. Giao lưu hợp tác kinh tế - văn hoá, thương mại, du lịch, đầu tư, đa phương hoá các quan hệ đối ngoại với các đối tác khác được thắt chặt và ngày càng được mở rộng. Triển khai tốt công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế, tiếp tục thực hiện hiệu quả chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với tỉnh Mondulakiri, vương quốc Campuchia<sup>(80)</sup>.

<sup>79</sup> 02 Huy chương vàng của VĐV Vũ Trường Giang tham gia Giải Vô địch thế giới võ cổ truyền Việt Nam lần thứ I năm 2016 và lần thứ II, năm 2018 đứng thứ 10/19 các tỉnh khu vực miền núi và đứng thứ 51/65 tỉnh, thành, ngành trong cả nước và Huy chương đồng tại giải Vô địch Taekwondo Đông Nam Á, tổ chức tại Philippines của VĐV Lê Xuân Trường. Thành lập Đoàn Vận động viên tham gia Đại hội Thể dục Thể thao toàn quốc lần thứ VIII/2018 tại Hà Nội. Kết quả, đạt 01 HCV, 01HCB và 06HCD, đứng thứ 10/19 các tỉnh khu vực miền núi và đứng thứ 51/63 tỉnh, thành cả nước.

<sup>80</sup> Tổ chức 34 đoàn/413 lượt người sang thăm, chúc tết, khám chữa bệnh tại tỉnh Mondulakiri/Campuchia; tổ chức 02 đoàn cán bộ kỹ thuật của huyện Đăk Mil và Tuy Đức sang hỗ trợ, hướng dẫn nước bạn về kỹ thuật trồng và chăm sóc cây hồ tiêu, khoai lang; tiến hành tọa đàm và ký kết biên bản hội nghị hợp tác giữa Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Tiểu khu Quân sự tỉnh Mondulakiri (04 lần).

### 2.15.2. An ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội:

Tăng cường các biện pháp bảo đảm an ninh chính trị. Tổ chức diễn tập các phương án, kế hoạch theo cơ chế ở các cấp, qua đó nâng cao cảnh giác, kiểm tra đánh giá khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang, đồng thời bổ sung, hoàn chỉnh các phương án, kế hoạch sát với tình hình. Chủ động triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả nhiệm vụ phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình" và âm mưu "phi chính trị hóa Quân đội" của các thế lực thù địch.

Tuyên quân hàng năm đạt chỉ tiêu về số lượng và đảm bảo chất lượng, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng an ninh được chú trọng. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm; theo đó, tội phạm được kiềm chế và kéo giảm, tạo chuyển biến tích cực về trật tự, an toàn xã hội<sup>(81)</sup>. Thực hiện hiệu quả quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội, nhất là công tác nắm người, nắm hộ, công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; kết quả trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, trung bình hàng năm, tai nạn giao thông đều giảm cả ba tiêu chí<sup>(82)</sup>.

### 2.15.3. Công tác ngoại vụ

Việc tổ chức đón tiếp các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc chính thức với Lãnh đạo tỉnh trong nhiệm kỳ đạt yêu cầu, nhiệm vụ đề ra, bảo đảm về mặt lễ tân và đón tiếp trọng thị, chu đáo, an toàn. Thúc đẩy và thiết lập, mở rộng quan hệ ngoại giao của tỉnh với các quốc gia, địa phương các nước.

Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi công tác nước ngoài; tổ chức đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào tỉnh, cho phép các đoàn và cá nhân người nước ngoài đến thăm và làm việc tại tỉnh Đắk Nông về các chương trình hợp tác, đầu tư; vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định. Phối hợp với các cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài giải quyết các vấn đề liên quan đến bảo hộ công dân. Triển khai công tác quản lý biên giới, củng cố và tăng cường hợp tác với tỉnh Mondulkiri - Vương quốc Campuchia trên tinh thần đoàn kết, hữu nghị, hòa bình, ổn định cùng phát triển. Tham gia ký kết các thỏa thuận quốc tế về tiếp nhận dự án thuộc nguồn viện trợ không hoàn lại; công tác vận động và quản lý viện trợ phi chính phủ nước ngoài bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định.

## **3. Công tác cải cách hành chính, phân cấp quản lý hành chính và thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh**

<sup>81</sup> Đấu tranh triệt phá 325 băng, nhóm; bắt 1.493 đối tượng; điều tra làm rõ 1.986/2.206 vụ, đạt 90%, trọng án 97%; bắt, vận động 475 đối tượng truy nã.

<sup>82</sup> Giảm 11,8% số vụ; 0,8% số người chết; 12,1% số người bị thương.

### 3.1. Việc thực hiện các nội dung cải cách hành chính

Giai đoạn 2016 - 2020 là giai đoạn 2 thực hiện Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ về ban hành chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2011 - 2020. Đây cũng là giai đoạn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XI của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Do đó, lãnh đạo tỉnh thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh công tác CCHC, coi CCHC là động lực, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

#### 3.1.1. Về cải cách thể chế

##### a) Việc ban hành văn bản QPPL

Thực hiện theo quy định Luật Ban hành văn bản QPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành; các văn bản ban hành được triển khai thống nhất từ tỉnh đến cơ sở đã tạo hành lang pháp lý bảo đảm hiệu quả hoạt động quản lý của bộ máy nhà nước.

##### b) Theo dõi, thi hành pháp luật

Được triển khai theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Hàng năm, ban hành kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật, tiến hành thu thập thông tin về thi hành pháp luật, thực hiện kiểm tra, điều tra khảo sát thi hành pháp luật theo đúng quy định.

##### c) Việc kiểm tra, xử lý văn bản QPPL

Tổ chức trên 48 cuộc kiểm tra tình hình thi hành pháp luật và kiểm tra thực tế công tác xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực: Chứng thực, công chứng; quản lý, sử dụng tài sản công; điều kiện đầu tư kinh doanh; đăng ký giao dịch tại các chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai nhằm bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện. Các văn bản sau kiểm tra được xử lý và kiến nghị các cơ quan thẩm quyền xử lý theo quy định.

##### d) Việc cập nhật văn bản QPPL.

UBND tỉnh thường xuyên yêu cầu các sở, ngành đăng tải công khai văn bản pháp luật mới có liên quan đến doanh nghiệp<sup>83</sup>. Chỉ đạo triển khai cập nhật văn bản QPPL mới của các Bộ, ngành Trung ương.

<sup>83</sup> Thường xuyên cập nhật các thông tin văn bản liên quan đến doanh nghiệp lên chuyên mục “Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp” trên trang thông tin điện tử Sở Tư pháp; định kỳ hàng quý phát hành 01 “Bản tin tư pháp”, đưa tin lên chuyên mục “Pháp luật và đời sống” của Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh để tuyên truyền phổ biến



### 3.1.2. Cải cách TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

#### a) Công tác kiểm soát TTHC

Hàng năm, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch và các văn bản chỉ đạo thực hiện, trên cơ sở kế hoạch các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã đã tổ chức thực hiện, đồng thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện trong cơ quan, đơn vị<sup>84</sup>.

#### b) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

UBND tỉnh chỉ đạo tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh đều được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả UBND cấp huyện, UBND cấp xã (trừ một số TTHC giải quyết lưu động) và được kiện toàn theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

Việc giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp được thực hiện theo quy trình, thời gian quy định, hồ sơ đúng hạn, trước hạn chiếm tỷ lệ trên 95%. Trung tâm hành chính công, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả một số huyện đã thiết lập bàn hướng dẫn và hoàn thiện hồ sơ, giảm tỉ lệ hồ sơ trả lại do không bảo đảm thành phần; đồng thời giảm thời gian đi lại cho người dân, doanh nghiệp. Công tác tuyên truyền cũng được chú trọng thực hiện với các hình thức phong phú, đa dạng như: Xây dựng các video clip hướng dẫn tại bộ phận giao dịch, hỗ trợ giải đáp qua điện thoại, thông báo trả kết quả giải quyết TTHC qua zalo; thử nghiệm Biên lai điện tử trong thu phí, lệ phí...

### 3.1.3. Cải cách tổ chức bộ máy

#### a) Đối với việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW

Triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình hành động số 26-CTr/TU ngày 08/3/2018 về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 300/KH-UBND ngày 20/6/2018 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày

---

rộng rãi các quy định mới của pháp luật, góp phần nâng cao việc thực thi và tuân thủ pháp luật tại tỉnh; biên soạn cuốn Sổ tay hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

<sup>84</sup> Trong 04 năm thực hiện Nghị quyết đã đạt những kết quả tích cực, cụ thể: UBND tỉnh ban hành 148 quyết định, công bố 3.216 TTHC, các TTHC đều được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và niêm yết tại Bộ phận một cửa theo đúng quy định; phê duyệt cắt giảm trên 20% thời gian thực hiện so với quy định đối với 550 TTHC; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền đơn giản hoá 103 TTHC; tiếp nhận và chỉ đạo cơ quan, đơn vị xử lý 179 phản ánh kiến nghị của người dân, doanh nghiệp. Ban hành 22 quyết định phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử trong giải quyết TTHC, gồm 1.209 TTHC cấp tỉnh, 113 TTHC cấp huyện, 93 TTHC cấp xã.

03/02/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 26-CTr/TU; Kế hoạch số 414/KH-UBND ngày 09/8/2018 triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 12/6/2018 của Tỉnh ủy về đổi mới, sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị cấp xã và thôn, bon, tổ dân phố <sup>85</sup>.

Triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 30-CTr/TU ngày 22/5/2018 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Trên cơ sở đó, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 386/KH-UBND ngày 24/7/2018 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Chương trình hành động số 30-CTr/TU <sup>86</sup>.

---

<sup>85</sup> - Rà soát, sắp xếp các cơ quan trực thuộc cấp ủy tỉnh: Giảm 01 đầu mối trực thuộc cấp ủy tỉnh (Đảng ủy Khối DN tỉnh) và 01 bí thư Đảng ủy Khối DN tỉnh.

- Rà soát, sắp xếp giám đốc đầu mối bên trong các cơ quan tham mưu giúp việc của Tỉnh ủy (bao gồm cả đảng ủy khối CCQ và DN tỉnh): Giảm 14 phòng, ban và tương đương, giảm 24 lãnh đạo, quản lý cấp phòng (cấp trưởng 10, cấp phó 14), giảm 13 biên chế. Bên cạnh đó, giảm 02 phòng của Ban BVCSSKCB tỉnh và 02 trưởng phòng và 12 biên chế.

- Rà soát, sắp xếp giám đốc đầu mối bên trong của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh: Giảm 13 ban và tương đương, 16 lãnh đạo, quản lý (cấp trưởng 09, cấp phó 07).

- Giảm số phòng trực thuộc các sở, ngành: 46 phòng;

- Giảm số ban, chi cục và tương đương thuộc các sở, ngành: 05 đơn vị;

- Giảm số phòng trực thuộc các ban, chi cục và tương đương: 34 phòng;

- Giảm lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở: 60 người (Trưởng phòng: 33; Phó Trưởng phòng: 27);

- Giảm lãnh đạo ban, chi cục và tương đương: 10 người (Trưởng ban, Chi cục và tương đương: 03; Phó Trưởng ban, Chi cục và tương đương: 07).

- Giảm lãnh đạo cấp phòng của các ban, chi cục và tương đương: 59 người (Trưởng phòng: 27; Phó Trưởng phòng: 32).

- Giảm biên chế hành chính: 181 biên chế; giảm hợp đồng 68: 10 người.

- Giảm 46 tổ chức phối hợp liên ngành: hợp nhất 13 tổ chức phối hợp liên ngành thành 05 tổ chức; giải thể 38 tổ chức phối hợp liên ngành. Hợp nhất Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông.

- Ngoài ra, thực hiện sáp nhập Sở Ngoại vụ vào Văn phòng UBND tỉnh kể từ ngày 01/8/2019.

- Kết quả sắp xếp các thôn, bon, tổ dân phố không đảm bảo 50% quy mô số hộ gia đình sau sắp xếp toàn tỉnh có 713 thôn, bon, tổ dân phố, giảm 76 đơn vị; cán bộ không chuyên trách thôn, bon, tổ dân phố giảm: 1.875 người.

<sup>86</sup> Phê duyệt Đề án sắp xếp, điều chỉnh lại quy mô điểm trường, lớp học các trường mầm non, phổ thông công lập và Đề án sắp xếp, tổ chức lại các trường phổ thông công lập nhiều cấp học giai đoạn 2019 - 2021;

- Sáp nhập Bệnh viện đa khoa cấp huyện, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cấp huyện, Trung tâm y tế cấp huyện; sáp nhập Trung tâm Y tế dự phòng thị xã Gia Nghĩa, Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thị xã Gia Nghĩa: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định thành lập Trung tâm Y tế các huyện, thị xã trên cơ sở sáp nhập các đơn vị trên;

- Sáp nhập Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe; Trung tâm Phòng chống HIV/AIDS; Trung tâm Y tế dự phòng; bộ phận dự phòng của 02 Trung tâm: Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phòng, chống bệnh xã hội: UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định thành lập Trung tâm kiểm soát bệnh tật trên cơ sở sáp nhập các trung tâm trên;

- Sáp nhập bộ phận điều trị thuộc Trung tâm Phòng chống bệnh xã hội và Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản vào Bệnh viện đa khoa tỉnh: UBND tỉnh cũng đã phê duyệt Đề án sáp nhập các bộ phận nêu trên trong Quyết định phê duyệt Đề án sắp xếp, kiện toàn Bệnh viện đa khoa tỉnh.

Nhìn chung, sau sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục được củng cố, kiện toàn, tổ chức theo hướng tinh gọn; chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của cơ quan, đơn vị được điều chỉnh, bổ sung, cơ bản khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp chức năng, nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được chuẩn hoá, nâng cao chất lượng chuyên môn và hiệu quả làm việc.

#### b) Thực hiện phân cấp quản lý nhà nước

Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên 5 lĩnh vực: (1) Quản lý ngân sách nhà nước. (2) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp. (3) Quản lý đầu tư. (4) Quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức. (5) Quản lý đất đai. Chính phủ giao cho UBND cấp tỉnh tiếp tục phân cấp quản lý nhà nước cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

87

### 3.1.4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC,VC

#### a) Về công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng

Công tác quy hoạch cán bộ đã cơ bản bảo đảm sự đồng bộ từ dưới lên và tạo được nguồn cán bộ kế cận khá dồi dào; lấy quy hoạch cấp ủy làm cơ sở để xây dựng quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền, đoàn thể ở các địa phương; bảo đảm tỷ lệ cán bộ nữ, cán bộ trẻ và cán bộ dân tộc thiểu số.

---

- Sáp nhập Trung tâm Thông tin và Ứng dụng khoa học và công nghệ và Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng để thành lập Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ;

- Giải thể Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Thành lập Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp trực thuộc UBND các huyện, thị xã trên cơ sở Hợp nhất trạm chăn nuôi và thú y. Trạm trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông, Khuyến ngư trực thuộc các đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Sáp nhập Trung tâm phát triển quỹ đất và Ban Quản lý dự án các huyện, thị xã để thành lập Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất các huyện, thị xã;

- Giải thể Trung tâm Xúc tiến thương mại trực thuộc Sở Công Thương;

- Giải thể Trung tâm Hội nghị trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

9 Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 21/11/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy chế Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước của UBND tỉnh; Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 07/8/2017 của UBND tỉnh về ban hành Quy định về cơ chế lồng ghép và quản lý các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2020; Quyết định 1589/QĐ-UBND ngày 26/9/2019 của UBND tỉnh về ủy quyền tổ chức thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư danh mục các dự án nhóm C quy mô nhỏ thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 việc ủy quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 của UBND tỉnh quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và CBCCVC.

Đồng thời, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sắp xếp cán bộ; hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch theo quy định.

b) Về xác định vị trí việc làm

Đề án xác định vị trí việc làm được triển khai đồng bộ; có 19/19 Sở, ngành và 8/8 huyện, thành phố được UBND tỉnh phê duyệt bản mô tả và khung năng lực vị trí việc làm, đạt 100%.

Thực hiện Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ, UBND tỉnh đã phê duyệt trên 90% các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Công tác tuyển dụng

Được thực hiện theo quy định của pháp luật, hình thức tuyển dụng được đổi mới bằng hình thức thi tuyển; việc tuyển dụng căn cứ vào vị trí việc làm theo quy định, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong công tác tuyển dụng và đăng ký nhu cầu tuyển dụng; đã kết hợp giữa chỉ tiêu biên chế và yêu cầu công việc, vị trí việc làm, chú trọng đến năng lực, phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, qua đó đã phát huy hiệu quả trong thực tiễn.

d) Việc thực hiện tinh giản biên chế

Việc thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW cơ bản bảo đảm đúng nguyên tắc và trình tự các bước thực hiện; động viên số CBCCVC có trình độ chuyên môn chưa đạt chuẩn, năng lực công tác hạn chế, lớn tuổi... xin thôi việc hoặc nghỉ hưu trước tuổi. Cùng với việc tinh giản biên chế, tỉnh cũng đã chú trọng tới việc ban hành cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực phục vụ cho ngành y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân<sup>88</sup>.

Nhìn chung, đội ngũ CBCCVC cơ bản đảm bảo cơ cấu, trình độ, năng lực, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao trong tình hình mới. Chất lượng quy hoạch cán bộ các cấp ngày càng được nâng lên, cơ bản khắc phục tình trạng khép kín trong công tác cán bộ. Công tác điều động, luân chuyển cán bộ được thực hiện thường xuyên, đã góp phần khắc phục tình trạng trì trệ, cục bộ ở một số địa phương, đơn vị. Đa số cán bộ luân chuyển có sự trưởng thành, một số đồng chí phát huy tốt vai trò, ý thức, trách nhiệm ở cương vị mới. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo người dân tộc thiểu số, cán bộ trẻ, cán bộ nữ tăng về số lượng, nâng

<sup>88</sup> Từ 2015 đến nay, tỉnh đã tinh giản 359 trường hợp. Trong đó: khối hành chính 79 trường hợp; khối Đảng 33 trường hợp; khối sự nghiệp 163 trường hợp; khối xã phường, thị trấn 68 trường hợp; khối doanh nghiệp 14 trường hợp; các tổ chức hội 01 trường hợp; hợp đồng 68 có 01 trường hợp. Ban hành 04 quyết định thôi việc theo nguyện vọng. Riêng năm 2020, các cơ quan, đơn vị, địa phương có 33 trường hợp đã cho thôi việc theo nguyện vọng.

dần về chất lượng và hiệu quả công tác, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng, nhất là vấn đề chính trị hiện nay. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thực hiện thường xuyên nhằm chuẩn hóa đội ngũ CBCCVC, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ theo quy định<sup>89</sup>.

### 3.1.5. Cải cách tài chính công

Đến nay, toàn tỉnh có 22/22 cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước cấp tỉnh; 104/104 cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện; 26/71 cơ quan quản lý nhà nước cấp xã đã triển khai thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ; Có 433/433 đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, trong đó có 08 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, 33 đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và 392 đơn vị do NSNN đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

### 3.1.6. Hiện đại hoá nền hành chính nhà nước

#### a) Ứng dụng công nghệ thông tin

Công thông tin điện tử của tỉnh được duy trì, hoạt động ổn định, cung cấp thông tin về chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự án kêu gọi đầu tư... đầy đủ, kịp thời trên môi trường mạng phục vụ nhu cầu thông tin của người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Cổng dịch vụ công trực tuyến tích hợp hệ thống một cửa điện tử được triển khai tập trung, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp xã, cung cấp 611 dịch vụ trực tuyến mức độ 3 và 57 dịch vụ trực tuyến mức độ 4 phục vụ người dân, tổ chức

<sup>89</sup> Từ năm 2016 đến nay, UBND tỉnh tổ chức 02 đợt thi tuyển công chức, đã tuyển dụng 273 công chức bổ trí về công tác tại các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Hiện nay số lượng CBCCVC cấp huyện, cấp tỉnh có 15.105 người (trong đó: nữ 10.209 người, đảng viên 8.191 người, dân tộc thiểu số khoảng 6.876 người; có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên khoảng 9.990 người; dưới 30 tuổi khoảng 2.465 người, từ 30 đến 50 tuổi khoảng 12.640 người). Tổng số cán bộ, công chức cấp xã toàn tỉnh là 1.453 người. Trong đó, cán bộ đạt chuẩn chuyên môn 649/680 người, chiếm 95,44% và công chức đạt chuẩn 772/773 người, chiếm 99,87%.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCC,VC:

- Cử bồi dưỡng: Lý luận chính trị 2.901 (trong đó: cao cấp 597; trung cấp 2163; sơ cấp 141); Quản lý nhà nước 417 (chuyên viên cao cấp 25; chuyên viên chính 96; chuyên viên 296); Bồi dưỡng đại biểu HĐND 318 (cấp tỉnh cử đi 53; cấp huyện 265); An ninh quốc phòng 10.740 (đối tượng 1: 11; đối tượng 2: 66; đối tượng 3: 5.083; đối tượng 4: 5580); lãnh đạo quản lý 690 (cấp sở 55; cấp huyện 39; cấp phòng 586); Bồi dưỡng khác 2039; Sau đại học: 86.

- Tổ chức 03 lớp kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế; 01 lớp kỹ năng giao tiếp hành chính; 03 lớp theo đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn; 01 lớp kỹ năng giao tiếp hành chính, văn hóa công sở; 01 lớp quy tắc ứng xử và đạo đức công vụ; 02 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ nữ và cán bộ người dân tộc thiểu số; Tổ chức 05 lớp kỹ năng quản lý lãnh đạo cấp phòng; 02 lớp quản lý nhà nước cho lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương; 02 lớp kỹ năng lãnh đạo, quản lý Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã; 01 lớp kỹ năng nghiệp vụ công chức tài chính kế toán cấp xã; 02 lớp bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp phòng; 01 lớp bồi dưỡng Bí thư đoàn thanh niên cấp xã; 01 lớp bồi dưỡng Chủ tịch Ủy ban MTTQVN cấp xã; 01 lớp bồi dưỡng Bí thư, Phó bí thư đảng ủy cấp xã.

nộp hồ sơ TTHC trực tuyến qua môi trường mạng. Đồng thời, sử dụng dịch vụ Bưu chính công ích trong tiếp nhận và giải quyết TTHC đối với 98 TTHC<sup>90</sup>.

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành tích hợp chữ ký số, chứng thư số triển khai đồng bộ ở 3 cấp, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, gửi nhân văn bản điện tử giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ văn bản điện tử được trao đổi giữa các đơn quan, đơn vị đạt trên 90%. Đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị, CBCCVC có thu điện tử công vụ phục vụ việc trao đổi thông tin trên môi trường mạng.

b) Thực hiện áp dụng hệ thống quản chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và ISO 9001:2015 (<sup>91</sup>).

3.1.7. Kết quả danh gia chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh

- Mặc dù những năm qua tỉnh đã triển khai nhiều hoạt động, đẩy mạnh các biện pháp, giải pháp CCHC. Tuy nhiên, kết quả Chi số CCHC của tỉnh do Bộ Nội vụ danh gia trong năm 2016, 2017, 2018 liên tục ở thứ hạng thấp so với các tỉnh, thành trong cả nước và chưa được cải thiện, năm 2019 có tăng nhưng vẫn nằm trong nhóm trung bình thấp của cả nước. <sup>92</sup>

- Chi số CCHC chưa được cải thiện còn do kết quả điều tra xã hội học do lường sự hài lòng của lãnh đạo quản lý các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, đại biểu HĐND cấp tỉnh đối với thực hiện CCHC của tỉnh: Với sự danh gia này đã làm giảm sâu kết quả chung chỉ số CCHC của tỉnh <sup>93</sup>.

so:

<sup>90</sup> Từ năm 2018 đến tháng 9/2020, tỉnh đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI là 6.261 hồ sơ và trả 13.045 hồ

<sup>91</sup> Hiện nay, tỉnh đã chi đạo thực hiện chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 để đảm bảo thực hiện hệ thống ISO điện tử vào hoạt động của 78 cơ quan, đơn vị, trong đó: 18/19 sở ngành và 09 đơn vị trực thuộc; cấp huyện, thành phố; cấp xã 46/71 xã, phường, thị trấn. Hàng năm tính đều tổ chức kiểm tra, theo dõi và danh gia việc áp dụng tiêu chuẩn này của các cơ quan, đơn vị các cấp trên toàn tỉnh. Bên cạnh đó tỉnh đang xây dựng và áp dụng quy trình ISO điện tử để đưa vào hoạt động.

<sup>92</sup> Kết quả Chi số CCHC của tỉnh do Bộ Nội vụ danh gia hàng năm: Năm 2016 đạt 68,14 điểm, xếp thứ 55/63; năm 2017 đạt 72,81 điểm, xếp thứ 56/63; năm 2018 đạt 71,03 điểm, xếp thứ 60/63; năm 2019 đạt 78,92 điểm, xếp thứ 56/63.

**1. Kết quả điểm thực hiện hoạt động CCHC năm 2017, 2018, 2019:**

(1) Công tác chỉ đạo điều hành: Năm 2017 đạt 7,25/10,0 điểm, xếp thứ 39/63; năm 2018 đạt 7/9 điểm, xếp thứ 27/63; năm 2019 đạt 7,5/8,5 điểm, xếp thứ 16/63.  
(2) Cải cách thể chế: Năm 2017 đạt 4,18/5,0 điểm, xếp thứ 58/63; năm 2018 đạt 5/5 điểm, nằm trong nhóm 1/4 nhóm của cả nước; năm 2019 đạt 8,6/10 điểm, xếp thứ 44/63.  
(3) Cải cách TTHC: Năm 2017 đạt 11,95/14,50 điểm, xếp thứ 45/63; năm 2018 đạt 10,98/13 điểm, xếp thứ 37/63; năm 2019 đạt 12,94/14 điểm, xếp thứ 22/63.  
(4) Cải cách bộ máy: đạt 5,50/6,50 điểm, xếp thứ 32/63; năm 2018 đạt 5,5/7,5 điểm, xếp hạng 28/63; năm 2019 đạt 10,24/12 điểm, xếp thứ 6/63.  
(5) Cải cách công vụ công chức: Năm 2017 đạt 6,50/10,00 điểm, xếp thứ 44/63; năm 2018 đạt 5,25/7,5 điểm, xếp hạng 22/63; năm 2019 đạt 9,89,24/14 điểm, xếp thứ 60/63.

### 3.2. Việc thực hiện phân cấp quản lý hành chính

a) Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 08/2004/NQ-CP ngày 30/6/2006 của Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh và phân cấp quản lý nhà nước giữa chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

Quản triệt chủ trương của Trung ương Đảng, Chính phủ, UBND tỉnh đã chủ động rà soát và thực hiện phân cấp cho Thủ trưởng các ngành và chính quyền cấp huyện, cấp xã trên các lĩnh vực như: Nguồn thu và nhiệm vụ chi; quản lý đầu tư; thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư; quản lý chất lượng công trình; chứng thực; hộ tịch; quản lý giáo dục; giải quyết trợ cấp xã hội; quản lý về tổ chức, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức,... đã phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của các ngành, các cấp trong thực thi nhiệm vụ.

b) Đánh giá việc thực hiện phân cấp quản lý giữa các cấp chính quyền địa phương:

Về phân cấp quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển: Hằng năm, HĐND tỉnh thông qua kế hoạch đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh từ ngân sách địa phương, trên cơ sở đó UBND tỉnh quyết định đầu tư các dự án và phân cấp cho cơ quan cấp dưới trực tiếp quyết định đầu tư các dự án phù hợp trình độ quản lý và năng lực cán bộ, tạo sự chuyển biến mạnh trong lĩnh vực quản lý, đầu tư, xây dựng cơ bản; thủ tục hành chính trong công tác đầu tư, xây dựng cơ bản được cải tiến theo hướng đơn giản tạo môi trường thuận lợi cho nhà đầu tư. Trên cơ sở quyết định của UBND tỉnh giao hằng năm, chính quyền địa phương đã phát huy được tính tự chủ, bám sát vào dự toán được giao, chủ động đề ra các biện pháp quản lý khai thác tốt các nguồn thu trên địa bàn, điều hành chi theo dự toán được giao trên cơ sở tiết kiệm và có hiệu quả.

Về phân cấp quản lý đất đai, tài nguyên, tài sản nhà nước: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo thực hiện công tác phân cấp quản lý đất đai, tài nguyên thực hiện đúng thẩm quyền trong việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển

(6) Cải cách tài chính công: Năm 2017 đạt 2.00/4.00 điểm, xếp thứ 50/63; năm 2018 đạt 5.55/8.5 điểm, xếp hạng 32/63; năm 2019 đạt 9.67/12,5 điểm, xếp thứ 26/63.

(7) Hiện đại hóa nền hành chính: Năm 2017 đạt 6.95/12.00 điểm, xếp thứ 36/63; năm 2018 đạt 4.11/9.5 điểm, xếp hạng 45/63; năm 2019 đạt 10,30/13điểm, xếp thứ 39/63.

**II. Điểm đo lường tác động của CCHC đến sự hài lòng của người dân, tổ chức và sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh:**

- Năm 2017 đạt 14.72/15,5 điểm; xếp thứ 28/63; Năm 2018 đạt 12.94/16.5, xếp thứ 38/63; Năm 2019 đạt 9.75/16, xếp thứ 63/63

**III. Điểm đo lường sự hài lòng của công chức, lãnh đạo quản lý đối với công tác cải cách hành chính của tỉnh:** Năm 2017 đạt 13.75/22.5 điểm (hài lòng thấp, đạt 61.1%), xếp thứ 63/63; năm 2018 đạt 14.70/23.5 điểm xếp thứ 63/63; năm 2019 đạt 17.01/23.5 điểm xếp thứ 58/63. Do đó làm giảm sâu điểm CCHC của tỉnh.

quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Việc phân cấp đã nâng cao được trách nhiệm của Chính quyền địa phương trong việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất... Giảm bớt áp lực công việc cho cơ quan hành chính cấp trên, tạo nên sự hài hòa và không chông chéo trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực đất đai giữa các cấp chính quyền, rút ngắn được thời gian giải quyết công việc, giảm bớt việc đi lại tốn kém thời gian, tiền bạc của nhân dân cũng như doanh nghiệp; nâng cao được trách nhiệm quản lý nhà nước của Chính quyền địa phương các cấp về quản lý đất đai.

Về phân cấp lĩnh vực quản lý doanh nghiệp nhà nước: Trong những năm qua Ủy ban nhân dân tỉnh đã làm tốt thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước và đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước tùy theo quy mô, đặc điểm, tính chất và tầm quan trọng của mỗi loại hình doanh nghiệp. Ủy ban nhân dân tỉnh đã sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý theo Đề án tổng thể đã được Chính phủ phê duyệt và thành lập một số doanh nghiệp nhà nước theo thẩm quyền, đẩy mạnh cổ phần hóa các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Về phân cấp quản lý nhà nước các hoạt động sự nghiệp, dịch vụ công: Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh, thành lập và chỉ đạo việc thành lập các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện theo đúng quy hoạch của tỉnh và phân cấp của Chính phủ; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy, biên chế đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

Về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và công chức: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 04/7/2017 về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đắk Nông, qua đó phân cấp rõ thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước các cấp về tổ chức bộ máy, biên chế tiền lương, quản lý, điều động, khen thưởng, kỷ luật,... góp phần từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức và hiệu quả làm việc của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương.

#### **4. Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của UBND cấp dưới**

Hàng năm, UBND tỉnh thành lập các đoàn công tác để kiểm tra tình hình triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, công tác thu chi ngân sách, thực hiện cải cách hành chính,... Tăng cường làm việc với cơ sở để kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nhiệm vụ.

### **V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**



Được sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ và các cấp uỷ Đảng, sự giám sát của HĐND các cấp, trong nhiệm kỳ qua, UBND các cấp đã nỗ lực trong công tác chỉ đạo, điều hành, đưa ra nhiều giải pháp tích cực nhằm không ngừng đẩy nhanh phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương, động viên các tầng lớp nhân dân phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giữ vững được ổn định để phát triển. Tăng trưởng kinh tế tiếp tục duy trì tốc độ ổn định, thu nhập bình quân đầu người ngày càng được cải thiện. Quy mô công nghiệp có bước phát triển, sản lượng công nghiệp đạt khá, khu cụm công nghiệp được ưu tiên đầu tư, tỷ lệ lấp đầy khá cao. Bộ mặt nông thôn dần được đổi mới nhờ vào triển khai chương trình nông thôn mới và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Phương thức sản xuất và cơ cấu ngành nông nghiệp có bước chuyển biến tích cực, năng suất tăng dần. Hoạt động thương mại tăng trưởng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của người dân. Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng cao, các loại hình dịch vụ ngày càng đa dạng, du lịch bước đầu phát huy được thế mạnh về cảnh quan, văn hóa của tỉnh.

Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch được chú trọng, đảm bảo tính thống nhất giữa các quy hoạch. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị được xác định là một trong ba đột phá của tỉnh, được ưu tiên đầu tư và bước đầu đã đạt được kết quả, kết cấu hạ tầng dần được đồng bộ, đầu tư phát triển tăng khá trong bối cảnh thắt chặt đầu tư công. Doanh nghiệp có bước phát triển về quy mô, tăng cả về số lượng và vốn đăng ký. Thu hút đầu tư tăng khá, thu hút được một số dự án ODA và đầu tư tư nhân lớn.

Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được tăng cường và có nhiều tiến bộ. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cải thiện về chất lượng. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng, dịch vụ y tế công từng bước được nâng cao chất lượng, cơ sở hạ tầng y tế tiếp tục được đầu tư. Công tác giải quyết việc làm được chú trọng trong điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, quy mô và chất lượng dân số được cải thiện.

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai sâu, rộng trên địa bàn toàn tỉnh, không ngừng đổi mới về nội dung, phù hợp với đối tượng, địa bàn; chú trọng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đến vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số, vùng trọng điểm về vi phạm pháp luật. Các mặt công tác tư pháp khác đạt chỉ tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Công tác an sinh xã hội được chú trọng, đảm bảo, công tác giảm nghèo triển khai hiệu quả hơn. Mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân tiếp tục nâng cao, phong trào thể dục thể thao có bước phát triển khá. Bộ máy các cấp cơ bản được

kiện toàn, sắp xếp, cải cách hành chính theo hướng thuận lợi, tạo điều kiện nghiệp thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh cho người dân, doanh nghiệp, giải quyết khiếu nại tố cáo xử lý nhanh chóng. Thực hiện tốt các chính sách và đoàn kết dân tộc, tôn giáo theo chủ trương nhất quán của nhà nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, giải quyết kịp thời các nhu cầu tôn giáo. Công tác đối ngoại mở rộng, an ninh quốc phòng ổn định, trật tự, an toàn xã hội đảm bảo.

## **2. Những tồn tại, hạn chế**

Tốc độ tăng trưởng và một số chỉ tiêu trên lĩnh vực kinh tế chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội và nguồn vốn đầu tư công chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Việc huy động, sử dụng nguồn lực tài nguyên, khoáng sản, đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả thấp. Tiến độ xây dựng một số công trình kiến trúc, văn hóa mang tính biểu tượng chưa đạt yêu cầu. Năng lực cạnh tranh, năng suất, chất lượng sản xuất công nghiệp và nông nghiệp phát triển chưa theo chiều sâu, thiếu bền vững. Tỷ lệ lấp đầy các cụm công nghiệp thấp; hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp chưa cao. Chất lượng công tác quy hoạch chưa bảo đảm định hướng cho phát triển. Công tác quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, khoáng sản chưa chặt chẽ, tình trạng phát triển không theo quy hoạch; khai thác khoáng sản trái phép; phá rừng, lấn chiếm đất rừng vẫn diễn ra phức tạp.

Tăng trưởng nông nghiệp chủ yếu dựa vào tăng quy mô, mở rộng diện tích canh tác. Việc ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao còn hạn chế. Các tiềm năng, lợi thế về kinh tế rừng chưa được phát huy.

Chưa thu hút được các dự án đầu tư quy mô lớn vào các ngành, lĩnh vực lợi thế, tác động lớn đến sự phát triển kinh tế của địa phương, như: chế biến sâu nông, lâm sản, hạ tầng thương mại, trung tâm Logistics. Kinh tế cửa khẩu chưa phát triển. Hạ tầng du lịch thiếu đồng bộ, quy mô hoạt động nhỏ, sản phẩm thiếu đặc sắc. Năng lực của các doanh nghiệp tư nhân trên địa bàn tỉnh còn yếu, quy mô nhỏ, công nghệ sản xuất chưa hiện đại. Việc triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh còn nhiều vướng mắc; chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) nằm trong nhóm cuối bảng xếp hạng.

Đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực cho ngành y tế, giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ chưa đi vào chiều sâu, hiệu quả còn thấp.

Văn hóa chưa được đầu tư tương xứng với tăng trưởng kinh tế; môi trường văn hóa có những mặt chưa thực sự lành mạnh; việc bảo tồn, phát huy

giá trị di sản văn hóa đạt hiệu quả chưa cao; hoạt động thể thao thành tích cao chưa bền vững. Việc xử lý thông tin giả, xấu, độc trên môi trường Internet và mạng xã hội còn chậm.

Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra. Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội còn thấp; chưa khắc phục được tình trạng nợ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp. Công tác giảm nghèo chưa thực sự bền vững; tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Xây dựng các tiềm lực trong khu vực phòng thủ ở một số địa phương chưa toàn diện, nhất là tiềm lực chính trị tinh thần, xây dựng thể trận lòng dân; quán triệt quan điểm kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương có nơi thực hiện chưa đồng bộ; chất lượng chính trị, trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên ở một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác nắm, dự báo tình hình có thời điểm, có nơi chưa thật sự chủ động; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở một số nơi hiệu quả chưa cao.

### **3. Nguyên nhân hạn chế, tồn tại**

3.1. Nguyên nhân khách quan: Xuất phát điểm về kinh tế - xã hội của tỉnh rất thấp; kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ; nền kinh tế còn mang nặng tính thuần nông, quy mô còn nhỏ và lạc hậu so với mặt bằng chung của cả nước, chất lượng thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, nguồn lực hạn chế nên việc khắc phục các điểm yếu của tỉnh về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, thị trường... để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn; hạ tầng về giao thông kéo dài trong nhiều năm ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các tuyến tỉnh lộ, các tuyến nối các vùng dân cư và vùng sản xuất đầu tư chậm, ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa, đi lại của nhân dân, đặc biệt là giảm dòng vốn thu hút đầu tư vào tỉnh.

#### 3.2. Nguyên nhân chủ quan:

- Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp, chất lượng lao động chưa đáp ứng nhu cầu phát triển. Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển ở một số ngành, địa phương còn thiếu đồng bộ, có nơi chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ đề ra. Việc cân đối tài lực với chức năng, nhiệm vụ chưa được quan tâm đúng mức. Năng lực chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp tuy có nâng lên nhưng vẫn còn một số mặt hạn chế nhất định. Các ban chỉ đạo thực hiện chương trình, đề án hoạt động hiệu quả chưa cao.

- Đổi mới tư duy kinh tế chưa thật sự toàn diện và đồng bộ; bộ máy hành chính ở cơ sở chưa thực sự gắn bó với dân, cơ chế phối hợp tổ chức thực hiện thiếu nhịp nhàng, đồng bộ. Hệ thống cơ chế chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để trở thành động lực thu hút và sử dụng tốt nhất các nguồn lực, cả nội lực và ngoại lực vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội.

## **Phần 2**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2021-2026**

#### **1. Công tác thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước**

- Tiếp tục thực hiện có hiệu lực, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các Nghị quyết của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và các Thông tư hướng dẫn của các Bộ, Ban ngành Trung ương bằng Chương trình, Kế hoạch cụ thể.

- Quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, triển khai các chính sách của Trung ương, sáng tạo, phù hợp với tình hình của địa phương, nâng cao tinh thần cống hiến, đề cao sự sáng tạo và trách nhiệm của người đứng đầu.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII trong cả giai đoạn 2021-2026 và kế hoạch theo từng năm.

- Thực hiện tổng kết các Nghị quyết, Chương trình giai đoạn 2016-2021, từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ thực hiện tiếp tục trong giai đoạn 2021-2026.

- Quán triệt và thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, tỉnh về điều hành kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Áp dụng linh hoạt các chính sách, định hướng của Trung ương, tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra. Có biện pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện các chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh.

#### **2. Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh**

- Tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp và từng thành viên UBND tỉnh thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của HĐND và UBND.

- Tập trung nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và tổ chức chỉ đạo triển khai kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Nghị quyết của Tỉnh

ủy, HĐND tỉnh; trên cơ sở đó tăng cường kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp tổ chức thực hiện đảm bảo theo đúng chương trình công tác của UBND tỉnh đề ra;

- Nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp, tập trung xây dựng, củng cố kiện toàn và nâng cao chất lượng của chính quyền các cấp; đặc biệt là xây dựng, củng cố kiện toàn và nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị ở cơ sở đủ mạnh để thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, tạo sự đồng thuận trong các tầng lớp nhân dân;

- Yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện tốt kỷ luật hành chính, chế độ thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ để công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được nhanh chóng, hiệu quả;

- Đề cao trách nhiệm và nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước, phát huy trách nhiệm của tập thể và từng cá nhân, trước hết là Chủ tịch, các Phó chủ tịch và các thành viên UBND tỉnh được phân công phụ trách các lĩnh vực công tác; phải đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ trong việc điều hành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng; mặt khác, phát huy tính chủ động, sáng tạo của chính quyền các cấp trong việc tổ chức thực hiện các quyết định, các chỉ thị của UBND tỉnh; nêu cao ý thức kỷ luật hành chính trong việc chấp hành các quyết định của cấp trên, đồng thời khắc phục sự ỷ lại, tùy tiện trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **3. Công tác thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh**

3.1. Quán triệt và triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII tỉnh Đắk Nông, triển khai các chính sách của trung ương sáng tạo, phù hợp với tình hình của địa phương, nâng cao tinh thần cống hiến, đề cao sự sáng tạo và trách nhiệm của người đứng đầu

- Xây dựng các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, Chỉ thị trình Tỉnh ủy, HĐND đề ban hành, thực hiện, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, giai đoạn 2021-2025. Trên cơ sở các chương trình mục tiêu lớn của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương triển khai và cụ thể hoá bằng các giải pháp chi tiết, xây dựng kế hoạch triển khai trong cả giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch theo từng năm.

- Thực hiện sơ kết, tổng kết các Nghị quyết, Chương trình giai đoạn 2016-2020, từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ thực hiện tiếp tục trong giai đoạn 2021-2025.

- Quán triệt và thực hiện hiệu quả tất cả các chính sách của trung ương về điều hành kinh tế xã hội vĩ mô, trên địa bàn tỉnh. Áp dụng các chính sách, định hướng của trung ương, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ban hành các quy định cụ thể tại địa phương để triển khai các định hướng, chỉ đạo của trung ương bảo đảm khả thi và hiệu quả.

- Nâng cao, đề cao và có quy chế về trách nhiệm của người đứng đầu, thủ trưởng các đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII đề ra. Có biện pháp nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện các chỉ đạo của trung ương, Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh và UBND tỉnh.

3.2. Xây dựng chất lượng “Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050” trình trung ương phê duyệt, làm định hướng phát triển trong dài hạn

Căn cứ vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050 được phê duyệt, đề ra định hướng, mục tiêu chiến lược, xác định các động lực, nguồn lực phát triển của địa phương để bảo đảm cho sự phát triển đồng bộ, thống nhất, khai thác nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm cho phát triển bền vững. Cập nhật những định hướng mới của trung ương, xu hướng mới của phát triển kinh tế, trong điều kiện hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế để định hướng mô hình phát triển kinh tế xã hội của tỉnh phù hợp với giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và quản lý chặt chẽ, theo hướng phát huy lợi thế về diện mạo, địa hình, thổ nhưỡng đặc trưng của tỉnh miền núi và ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.3. Phấn đấu mức tăng trưởng cao trên nền tảng đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng đồng bộ để tạo động lực phát triển toàn diện kinh tế xã hội

- Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định của các giai đoạn trước, ít nhất ở mức tăng trưởng khá, cao hơn bình quân của cả nước (từ 1-2%), trên nền tảng huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực. Huy động hiệu quả toàn xã hội tham gia đầu tư, phấn đấu tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt tỷ trọng trên 35% - 40%/GRDP.

- Chủ động đề xuất, tiếp cận các chính sách phát triển kinh tế mới của Trung ương. Tranh thủ các chính sách, nguồn lực của trung ương ưu tiên đặc thù về vùng Tây Nguyên, về vị trí chiến lược về an ninh quốc phòng của tỉnh để vận động nguồn lực để phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Vận động nguồn vốn ODA để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Lựa chọn dự án đầu tư công dựa trên hiệu quả kinh tế xã hội và thụ hưởng của số đông người dân. Tăng cường điều tiết đầu tư công từ ngân sách địa phương.

Triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về điều hành ngân sách nhà nước, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ thu, chi; nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành công tác tài chính - tiền tệ của tỉnh. Tăng cường công tác quản lý thu, khai thác nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất.

- Khai thác nguồn ngoại lực ngoài nhà nước bằng cách thu hút các nhà đầu tư lớn, chiến lược, tiềm lực tài chính mạnh vào đầu tư một số dự án lớn, có điều kiện thuận lợi sẵn có để triển khai về hạ tầng đô thị trung tâm, hạ tầng du lịch trọng điểm, hạ tầng khu công nghệ, khai thác mỏ bô xít.

- Phát triển kết cấu hạ tầng theo hướng đồng bộ và toàn diện, bước đầu ưu tiên hạ tầng giao thông để làm động lực, đi trước, tạo thúc đẩy phát triển toàn diện kinh tế xã hội; ưu tiên hạ tầng thủy lợi để phục vụ nông nghiệp và dần ứng phó với biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Ưu tiên thu hút đầu tư hạ tầng đô thị, du lịch và dịch vụ, hạ tầng KCN. Đầu tư mở rộng, nâng cấp, sửa chữa các tuyến tỉnh lộ và một số tuyến giao thông quan trọng. Tiếp tục kiến nghị trung ương cho cơ chế hoặc nguồn vốn để đầu tư dự án Đường cao tốc Tây Nguyên - Tp Hồ Chí Minh; đường sắt Đắk Nông - Chơn Thành (Bình Phước).

3.4. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, kinh tế tư nhân và các thành phần kinh tế

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư gắn liền với cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công tác điều hành, thực thi chính sách, cung ứng dịch vụ công. Đề xuất bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, trái với cơ chế thị trường, thay đổi hình thức quản lý nhà nước từ “tiền kiểm” qua “hậu kiểm”; Cải cách thủ tục hành chính đầu tư, giải quyết dứt điểm các tồn tại vướng mắc và đẩy nhanh thời gian thực hiện quy trình đầu tư như: đăng ký đầu tư, thuế, bảo hiểm, đất đai, cấp phép xây dựng, quy hoạch, ... đánh giá định kỳ, để giám sát việc giảm thời gian.

- Đổi mới cơ bản phương thức xúc tiến đầu tư, từ chiều rộng sang trọng điểm, trọng tâm. Chính quyền các cấp nghiên cứu cơ chế, bố trí nguồn vốn chuẩn bị đầu tư để giải phóng mặt bằng, tạo các điều kiện thuận lợi trước đối với các dự án mục tiêu để kêu gọi đầu tư, lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Có biện pháp kiểm soát năng lực tài chính đối với các nhà đầu tư đăng ký đầu tư vào tỉnh. Sử dụng nguồn ngân sách để giải phóng mặt bằng các vị trí có khả năng thu hút và thuận lợi cho đầu tư để tạo quỹ đất lớn thu hút đầu tư.

- Đối với khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh:(1) Tập trung kêu gọi đầu tư, khuyến khích, hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân đầu tư phát triển công

nghiệp mũi nhọn là công nghiệp Alumin - nhôm, sau nhôm; Công nghiệp chế biến các nông sản thế mạnh của tỉnh, phấn đấu đến năm 2025, công nghiệp chế biến sâu trở thành lĩnh vực kinh tế động lực của địa phương;(2) Khuyến khích, hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân đầu tư vào nông thôn mới gắn chặt với mục tiêu xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; phát triển nông nghiệp gắn với lợi thế về vùng khí hậu ôn hoà, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp an toàn; quản lý bảo vệ và phát triển rừng hiệu quả, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng;(3) Tập trung chỉ đạo thu hút khu vực kinh tế tư nhân phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhân dân, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, xây dựng thương hiệu hàng hóa thế mạnh, hoàn thiện hệ thống thương mại, phát triển du lịch trên nền tảng phát huy các lợi thế tự nhiên của địa phương.

- Đối với khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh: Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả, hình thức hoạt động, gắn hoạt động với hiệu quả thực chất đối với các mô hình kinh tế tập thể, không rập khuôn theo mô hình bên ngoài. Định hướng khuyến khích kết nối giữa các hợp tác xã và các doanh nghiệp, phân công và thực hiện rõ vai trò trong mỗi liên kết này, hợp tác xã tập trung sản xuất sản phẩm đạt chuẩn, doanh nghiệp tập trung vào thị trường và đầu ra.

- Đối với khu vực kinh tế nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh: Tiếp tục sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước, các công ty nông lâm nghiệp theo đề án đã được phê duyệt và tiến độ Chính phủ yêu cầu, phát huy hiệu quả nguồn vốn, nguồn lực về đất đai, rừng, tài nguyên và tài sản nhà nước đã đầu tư. Kiên quyết xử lý các doanh nghiệp thua lỗ, thực hiện quản lý theo cơ chế thị trường. Tổ chức lại bộ máy các đơn vị sự nghiệp theo hướng tinh gọn, giảm bớt trung gian, sáp nhập các đơn vị có chức năng liên thông. Trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị; đảm bảo quyền bình đẳng cung cấp dịch vụ công giữa các đơn vị sự nghiệp trong công lập và ngoài nhà nước theo cơ chế thị trường.

- Đối với khu vực kinh tế nước ngoài (FDI): Chủ động định hướng kêu gọi đầu tư vào các dự án công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao, năng lượng tái tạo, chuyển giao công nghệ tiên tiến, các dự án có vốn lớn, động lực lan tỏa, kéo theo phát triển nhiều ngành, lĩnh vực.



3.5. Đẩy mạnh tái cơ cấu các ngành kinh tế; phát triển công nghiệp Alumin - Nhôm, năng lượng tái tạo, chế biến sâu các sản phẩm nông nghiệp chủ lực; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bền vững theo chuỗi giá trị

- Nâng cao chất lượng tăng trưởng; kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; khai thác có hiệu quả các lợi thế về khí hậu, đất, rừng và khoáng sản, nhất là khoáng sản Bôxít, du lịch sinh thái và tăng cường thu hút các nguồn vốn từ bên ngoài. Tập trung phát triển công nghiệp khai khoáng và luyện nhôm, phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp Nhôm quốc gia. Thúc đẩy, hỗ trợ nhà đầu tư sớm đưa Nhà máy luyện nhôm vào hoạt động; hoàn thành Khu Công nghiệp Nhân Cơ 2 để thu hút các dự án đầu tư dịch vụ phụ trợ phục vụ cho ngành công nghiệp nhôm, sản xuất các sản phẩm sau nhôm. Kiến nghị Trung ương: mở rộng công suất Nhà máy Alumin Nhân Cơ; nghiên cứu, kêu gọi, mở rộng đầu tư khai thác bô xít, luyện Alumin, điện phân nhôm theo quy hoạch đã được phê duyệt. Phát triển công nghiệp chế biến hỗ trợ cho ngành nông, lâm nghiệp; nhất là công nghiệp chế biến sâu các sản phẩm thế mạnh của tỉnh. Phát triển hệ thống năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng điện gió, điện mặt trời; tiếp tục kiến nghị Trung ương sớm triển khai xây dựng trạm biến áp 500kV và di dời đường dây 500kV ra ngoài trung tâm Thành phố Gia Nghĩa. Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, bền vững theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế rừng, trồng và chế biến dược liệu; tăng sức cạnh tranh, nâng cao giá trị gia tăng các sản phẩm nông nghiệp chủ lực.

- Thực hiện thành công 02 đề án nông nghiệp (đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp và đề án Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao). Phát triển nông nghiệp theo hướng sạch, chất lượng và bền vững, tạo mũi đột phá về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh cơ giới hóa, hiện đại hóa, ứng dụng công nghệ sinh học, phát triển sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh và giá trị kinh tế cao. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp.

- Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để kinh tế nông hộ tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác hoặc hoạt động theo mô hình doanh nghiệp. Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

- Đặt trọng tâm phát triển khoa học công nghệ vào hiệu quả ứng dụng tại doanh nghiệp và sản xuất của người dân, chú trọng nghiên cứu các lĩnh vực khoa học công nghệ đặc trưng, phù hợp với điều kiện của tỉnh, trong đó tập trung vào các công nghệ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, các công nghệ

liên quan đến chế biến sau nhôm, ...; đổi mới phương thức phân bổ ngân sách cho khoa học công nghệ, chỉ đầu tư cho các đề án có hiệu quả ứng dụng thực tế cao, phục vụ thiết thực cho phát triển kinh tế xã hội, nâng cao đời sống nhân dân của tỉnh.

- Phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, gắn phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Bảo vệ tuyệt đối diện tích rừng hiện có, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

3.6. Phát triển dịch vụ đáp ứng nhu cầu của nhân dân, mở rộng thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, xây dựng thương hiệu hàng hóa thế mạnh của tỉnh; khơi dậy và phát triển tiềm năng phát triển du lịch

- Khai thác và phục vụ tốt thị trường trong tỉnh, kết hợp với đẩy mạnh giao lưu hàng hóa với các tỉnh để mở rộng thị trường, đặc biệt là các tỉnh thuộc khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam, với các trung tâm đô thị lớn như thành phố Hồ Chí Minh. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến hỗ trợ thương mại, tiếp tục quảng bá và thực hiện chính sách đưa hàng về nông thôn, thực hiện cuộc vận động “người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Xây dựng đề án hỗ trợ doanh nghiệp phát triển thị trường và xúc tiến thương mại.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm thị trường bền vững, đẩy mạnh sản xuất và xuất khẩu các mặt hàng có lợi thế cạnh tranh, có giá trị gia tăng cao; tích cực phát triển các mặt hàng có tiềm năng thành những mặt hàng xuất khẩu chủ lực, theo hướng nâng cao hiệu quả xuất khẩu; Xây dựng Kế hoạch đưa sản phẩm nông nghiệp thế mạnh và chất lượng cao của tỉnh vào tiêu thụ tại các siêu thị trong nước.

- Đầu tư phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị quy mô lớn, hiện đại tại các địa bàn trọng điểm có đông dân cư và các khu đô thị mới. Thu hút đầu tư phát triển hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tại các đô thị như: Gia Nghĩa, Kiến Đức, Đăk Mil, EaTling... Hỗ trợ đầu tư các siêu thị tại các trung tâm đô thị lớn của tỉnh; khuyến khích các nhà cung cấp hàng hoá tiêu dùng mở các đại lý cấp 1 tại tỉnh để khắc phục tình trạng mặt bằng giá cao. Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý thị trường nhằm tăng cường kỷ cương, trật tự thị trường; ngăn chặn tệ nạn buôn lậu, gian lận thương mại; sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; đảm bảo hàng hóa lưu thông thông suốt, không để xảy ra tình trạng khan hiếm hàng hóa và tăng giá đột biến.

- Phát triển dịch vụ vận tải có hệ thống vận chuyển, trạm dừng chân thuận tiện, mở rộng địa bàn phục vụ đến các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Mở rộng luồng tuyến vận tải đến tất cả các tỉnh thành trong cả nước. Khuyến khích, tạo mọi điều kiện cho các doanh nghiệp kinh doanh vận tải phát triển.

- Phát triển đa dạng các loại hình du lịch, từng bước kiện toàn cơ sở hạ tầng, tạo ra các sản phẩm du lịch mang tính đặc trưng riêng của tỉnh Đắk Nông, trong đó chú trọng phát triển sản phẩm du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông. Đẩy mạnh phát triển du lịch sinh thái, văn hóa kết hợp du lịch tâm linh, hội nghị, hội thảo, khám phá và các dịch vụ vui chơi giải trí để thu hút khách quốc tế và nội địa. Xây dựng cơ chế quản lý, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng. Khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hình thành mô hình từng người dân, cộng đồng dân cư tham gia hoạt động du lịch. Kết nối tổng thể các danh thắng du lịch toàn tỉnh, điểm bán hàng, kết hợp với khách sạn nghỉ dưỡng đạt chuẩn để tạo Tour du lịch hấp dẫn, quảng bá thu hút du khách.

3.7. Quản lý và sử dụng nguồn đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục thực hiện chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý và khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất đai, khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên nước. Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong toàn xã hội về nhận thức và hành động trước tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai cực đoan, suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường gia tăng, đang trở thành nguy cơ đe dọa nghiêm trọng sức khỏe, đời sống nhân dân và sự phát triển bền vững. Không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế; thực hiện sàng lọc, lựa chọn đầu tư phát triển dựa trên các tiêu chí về môi trường; quản lý nghiêm ngặt và phát triển diện tích rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ; xác định các diện tích rừng bị xâm canh trái phép, có biện pháp để khuyến khích doanh nghiệp và người dân trồng mới lại rừng. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện công tác hoàn thổ sau khai thác bô xít; nghiên cứu xây dựng các cơ chế cơ chế, chính sách phù hợp để thuê đất và hỗ trợ đời sống cho các đối tượng có diện tích đất khai thác bô xít.

- Khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội, trong đó nâng cao chất lượng, tiến độ xây dựng, tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đảm bảo tính công khai, minh bạch, bền vững, thống nhất

giữa quy hoạch sử dụng đất với các quy hoạch khác có liên quan; việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư, giảm thiểu khiếu kiện liên quan đến thu hồi đất; thực hiện nghiêm các quy định về thu hồi đất đối với các dự án triển khai chậm tiến độ, sử dụng đất sai mục đích, vi phạm pháp luật về đất đai.

- Chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch hành động Chiến lược về ứng phó với biến đổi khí hậu; Chiến lược quốc gia về phòng, chống thiên tai. Hạn chế tối đa các ngành, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, các dự án phát triển kinh tế sử dụng lãng phí, khai thác không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, phát thải nhiều chất ô nhiễm, khí nhà kính, hủy hoại cảnh quan, sinh thái, gây ô nhiễm môi trường, gia tăng rủi ro thiên tai, nhất là vùng đầu nguồn nước, khu dân cư.

3.8. Nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, nguồn nhân lực; phát triển con người, chăm sóc sức khỏe nhân dân

- Triển khai thực hiện đổi mới toàn diện và đồng bộ giáo dục và đào tạo, phát triển các cơ sở đào tạo ở các cấp; ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, vùng sâu, vùng xa và các đối tượng chính sách. Duy trì kết quả và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Phát triển đồng bộ hệ thống giáo dục và đào tạo theo hướng tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đi đôi với nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, bảo đảm các điều kiện cơ bản để thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông và sách giáo khoa mới, thực hiện giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng dạy và học. Đảm bảo đầy đủ số lượng cán bộ quản lý, nhà giáo theo tiêu chuẩn ở các cấp học, ngành học. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục. Có đề án hỗ trợ nâng cao tỉ lệ học sinh là con em dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa theo học ở các cấp học cao hơn. Đổi mới công tác quản lý, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, ngăn chặn và xử lý nghiêm những tiêu cực trong giáo dục và đào tạo.

- Thu hút, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao trong hệ thống chính trị và nguồn nhân lực phục vụ phát triển: lao động kỹ thuật tay nghề cao, đội ngũ nghiên cứu khoa học chuyên sâu,... ở các lĩnh vực chủ yếu địa phương đang cần. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh giáo dục nghề nghiệp, phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên sâu, hiện đại đáp ứng với yêu cầu của thị trường lao

động, gắn với định hướng và nhu cầu phát triển kinh tế của tỉnh, chú trọng công tác xuất khẩu lao động, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của các cấp ủy, chính quyền địa phương và các ngành.

- Đổi mới toàn diện công tác quản lý nhà nước về y tế. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, mở rộng quy mô giường bệnh. Triển khai mở rộng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2. Phát triển hệ thống y tế ngoài công lập; phối hợp đầu tư theo hình thức đối tác công - tư; mô hình bác sỹ gia đình. Nâng cao hiệu quả hoạt động hệ thống y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh. Ưu tiên các hoạt động dự phòng gắn với y tế cơ sở, chú ý phát triển y tế tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số; nâng cao chất lượng, phong cách và thái độ của cán bộ y tế để hướng tới sự hài lòng của nhân dân trong hoạt động cung cấp các dịch vụ y tế. Đưa ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giám định bảo hiểm y tế, chẩn đoán, xét nghiệm, khám chữa bệnh và tiến tới liên thông dữ liệu trong khám, chữa bệnh giữa các tuyến. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động của chương trình tiêm chủng mở rộng ở trẻ em. Đẩy mạnh bảo tồn và phát triển đông y; kết hợp đông y với tây y trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh.

3.9. Về phát triển văn hóa, thông tin, phát thanh truyền hình, thể dục thể thao và khoa học công nghệ

- Bảo tồn, phát huy những những giá trị văn hóa dân tộc bản địa, các di tích lịch sử gắn với phát triển du lịch. Tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo tồn, kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc, phát huy mạnh mẽ tính đa dạng, độc đáo của bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh; đồng thời, phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể, tăng cường công tác điều tra, sưu tầm các giá trị văn hóa về sinh hoạt cộng đồng, lễ hội, các loại hình văn hóa dân gian; phát huy di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái; chú trọng việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa phục vụ giáo dục truyền thống; tiếp tục triển khai thực hiện các dự án, đề án về văn hóa, đầu tư phục dựng một số bon, buôn văn hóa truyền thống tiêu biểu của đồng bào các dân tộc bản địa.

- Tập trung nâng cao tính chuyên nghiệp trong hoạt động báo chí, xuất bản, thông tin đối ngoại, đổi mới chất lượng chính trị và chất lượng chuyên môn của các sản phẩm thông tin. Xây dựng một số phụ trương, chuyên đề; tăng dung lượng, số lượng phát hành và đổi mới các tờ báo in. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các điểm phục vụ Báo chính; Xây dựng hạ tầng thông tin phục vụ tốt công tác phòng chống thiên tai, an ninh quốc phòng. Chuyển đổi hạ tầng truyền

dẫn, từng bước mở rộng vùng phủ sóng truyền hình đa dạng và phong phú, chất lượng cao, phù hợp với nhu cầu và thu nhập của người dân.

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, vận động và thu hút đông đảo nhân dân tham gia tập luyện, gắn việc chỉ đạo phát triển phong trào thể dục thể thao với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở. Bảo tồn, phát triển các môn thể thao của đồng bào các dân tộc thiểu số và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động thể dục thể thao. Xây dựng lực lượng tham gia thi đấu tại các giải thể thao khu vực và toàn quốc, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thể thao hiện đại đáp ứng việc tổ chức đăng cai các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia. Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa và đổi mới cơ bản các hình thức và biện pháp quản lý nhà nước về lĩnh vực thể dục thể thao. Mở rộng giao lưu hợp tác với các tỉnh, thành phố trong cả nước về lĩnh vực thể dục thể thao, nhất là trong công tác huấn luyện, đào tạo vận động viên.

- Thu hút nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, tập trung nghiên cứu, chuyển giao các đề án khoa học công nghệ phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, chuyển giao cho người dân, tổ hợp tác, HTX và doanh nghiệp để nâng cao chất lượng, năng suất sản phẩm... Tạo lập thị trường dịch vụ khoa học công nghệ, khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao trình độ công nghệ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, tạo lập thương hiệu cho các sản phẩm của địa phương.

- Tận dụng triệt để cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư do Bộ Chính trị và Chính phủ triển khai, phát động, xây dựng có hiệu quả dự án Chính quyền điện tử, thực hiện thí điểm và xây dựng thành công đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông theo lộ trình, trong đó chú trọng công cuộc chuyển đổi số tại các cấp, các ngành, địa phương phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo về quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

3.10. Bảo đảm an sinh xã hội, đẩy mạnh công tác giảm nghèo, thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo, chính sách cho người có công và các chính sách an sinh xã hội

- Triển khai có hiệu quả các chương trình, giải pháp giảm nghèo góp phần hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vươn lên trong cuộc sống. Tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, nhà xã hội...) bằng cách đa dạng hoá các nguồn lực và phương thức thực hiện chương trình giảm nghèo theo hướng phát huy nội lực. Phát triển các dịch vụ xã hội cơ bản,

đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người nghèo, người cận nghèo. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho mục tiêu giảm nghèo. Thực hiện cho vay vốn làm ăn, đào tạo nghề, giải quyết việc làm; thực hiện các chính sách ưu đãi, an sinh xã hội cho người nghèo và có chính sách khuyến khích phấn đấu vươn lên thoát nghèo.

- Tiếp tục tổ chức quán triệt sâu rộng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo cho đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành và chức sắc, tín đồ các tôn giáo; hoàn thiện cơ chế, chính sách về công tác tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác QLNN về tín ngưỡng, tôn giáo, tăng cường hướng dẫn các tôn giáo hoạt động theo đúng chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước và Hiến chương giáo hội; quan tâm giải quyết kịp thời các nhu cầu tôn giáo thuần túy, đúng pháp luật; Góp phần ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường xã hội hóa, đẩy mạnh phong trào chăm sóc người có công thông qua các chương trình tình nghĩa, toàn dân tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhằm huy động nguồn lực từ cộng đồng, xã hội cùng Nhà nước quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần người có công. Xây dựng môi trường sống an toàn, thân thiện, bình đẳng và lành mạnh để thực hiện ngày càng tốt hơn các quyền của trẻ em. Thực hiện tốt các chính sách về phụ nữ, thanh niên.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia góp phần giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Triển khai thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 88/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 18/11/2019 về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

### 3.11. Tăng cường quốc phòng an ninh, đối ngoại

Quán triệt và triển khai có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nhiệm vụ Quốc phòng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Phát huy nội lực và sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, không ngừng xây dựng “thế trận lòng dân”, cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh. Bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc trên địa bàn tỉnh, tạo môi trường hòa bình, ổn định để phát triển. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, xây dựng thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ của tỉnh theo thế trận phòng thủ chung của quân khu. Thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện và diễn tập khu vực phòng thủ, phòng chống cháy rừng, thiên tai,

dịch bệnh, cứu hộ cứu nạn; nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang địa phương, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Chủ động đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, bảo đảm an ninh và trật tự, an toàn xã hội. Thường xuyên rà soát, bổ sung, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng, chống gây rối, biểu tình, bạo loạn và khủng bố; xử lý tốt vấn đề an ninh phi truyền thống, an ninh tư tưởng; không để hình thành các tổ chức chính trị đối lập trên địa bàn tỉnh. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, các sự kiện chính trị, văn hóa, đối ngoại diễn ra tại tỉnh. Đẩy mạnh xây dựng, củng cố thể trận an ninh Nhân dân, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân trong đấu tranh phòng, chống có hiệu quả các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; chú trọng đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, củng cố lực lượng công an cơ sở, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Tăng cường công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù. Bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phân đấu kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông. 100% tin báo, tố giác về tội phạm, kiến nghị khởi tố được tiếp nhận, thụ lý.

Thực hiện tốt công tác đối ngoại đảng, ngoại giao chính quyền, đối ngoại Nhân dân giữa tỉnh Đắk Nông và tỉnh Mondulkiri - Vương quốc Campuchia. Mở rộng quan hệ đối ngoại quốc tế với các nước để thu hút đầu tư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tiếp tục thực hiện việc kết nối và liên kết vùng giữa Đắk Nông với các vùng kinh tế trọng điểm trong cả nước, nhất là với vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung và vùng Tây Nguyên, vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

#### **4. Công tác cải cách hành chính**

- Tiếp tục kiện toàn, củng cố tổ chức bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tăng tính dân chủ và pháp quyền trong điều hành, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong việc tổ chức thực hiện. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho chính quyền cơ sở gắn với tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, gắn quyền hạn với trách nhiệm được giao, phát huy dân chủ cơ sở.

- Thực hiện cải cách hành chính một cách mạnh mẽ và đồng bộ, nhất là cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực thu hút đầu tư, xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, tài chính, cán bộ theo hướng giải quyết công việc thuận lợi nhất, nhanh nhất cho người dân và nhà đầu tư. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước; Cải cách các chỉ số đánh giá, mỗi năm tăng bình



quân các chỉ số PCI, PAPI, PAR - Index của tỉnh từ 2-3 bậc, phần đầu đạt mức bình quân chung của cả nước.

### **5. Công tác kiểm tra, giám sát**

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Xây dựng cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn quan hệ “lợi ích nhóm”; chống đặc quyền, đặc lợi, khắc phục “tư duy nhiệm kỳ”. Nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tạo sự chuyên biến về chất lượng và hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thời kỳ mới

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động hỗ trợ tư pháp. Thực hiện hiệu quả, đầu tư thỏa đáng nguồn lực cho công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính tư pháp.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo: nắm chắc tình hình khiếu nại đông người để có kế hoạch giải quyết kịp thời ngay tại cấp cơ sở; thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đối thoại với công dân trong quá trình giải quyết. Đảm bảo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo đúng quy định pháp luật, hạn chế tối đa tình trạng đơn giải quyết tồn đọng kéo dài, quá hạn và vượt cấp. Chấn chỉnh, nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực. Yêu cầu phải công khai, minh bạch, nhất là đối với công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, giải quyết kịp thời các quyền lợi chính đáng của người dân có đất thu hồi theo đúng quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai khắc phục tình trạng yếu kém trong công tác quản lý và giao đất, giao rừng các dự án nông, lâm nghiệp dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp.

## **Phần 3**

### **KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Kết luận**

Trong giai đoạn 2016-2020 UBND tỉnh thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh có nhiều thuận lợi, kinh tế vĩ mô của đất nước khắc phục được khó khăn, dần ổn định và duy trì tốc độ tăng trưởng cao, lạm phát được kiềm chế; nền kinh tế được tái cơ cấu toàn diện, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, tạo nhiều động lực phát triển mới; công tác xây dựng Đảng, phòng chống tham nhũng, lãng phí được triển khai quyết liệt, niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước được củng cố.

- Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh Đắk Nông còn gặp không ít khó khăn,

thách thức như: Thời tiết, thiên tai diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng; giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực giảm mạnh; ngành chăn nuôi gặp khó khăn do dịch tả lợn Châu phi lây lan trên diện rộng; tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp; quy mô ngành công nghiệp, thương mại, dịch vụ phát triển nhỏ, lẻ; kết cấu hạ tầng đô thị thấp; đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn; thu hút đầu tư chưa hiệu quả, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư chậm; ý thức của một bộ phận Nhân dân về chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa cao. Song dưới sự lãnh đạo của Trung ương cùng với sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị, Nhân dân các dân tộc và cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, kinh tế - xã hội 5 năm qua đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, chất lượng, hiệu quả nền kinh tế từng bước được nâng lên.

## **2. Kiến nghị, đề xuất**

2.1 Kiến nghị các Bộ, ngành phối hợp, hướng dẫn cụ thể để thực hiện tích hợp hoặc kết nối các hệ thống phần mềm quản lý của Trung ương với Hệ thống của tỉnh nhằm chia sẻ dữ liệu, công tác quản lý, theo dõi và thực hiện được đồng bộ, thống nhất, đầy đủ và kịp thời theo quy định Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, đồng thời sớm hoàn thành việc kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia.

2.2 Trung ương cần tiếp tục đẩy mạnh việc phân quyền, phân cấp đảm bảo tính hợp lý, khoa học giữa các cấp, các ngành với chính quyền địa phương; phát huy tính chủ động, sáng tạo, nâng cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với kiểm tra, giám sát.

2.3. Chính phủ sớm ban hành chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2025 để các địa phương có căn cứ triển khai thực hiện.

Trên đây là Báo cáo tổng kết hoạt động của UBND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 và phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của UBND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông./.

### **Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CVP, PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Các Sở ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu VT, NCKSTT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đình Trung**